

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 22/2016/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 24 tháng 6 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng
giao thông đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 47/2012/TT-BGTVT ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tuần tra, kiểm tra bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải về việc Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 52/2013/TT-BGTVT ngày 12 tháng 12 năm 2013 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ; Thông tư số 12/2014/TT-BGTVT ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn quản lý, vận hành khai thác cầu trên đường giao thông nông thôn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Nội vụ, Thông tin và Truyền thông; Trưởng Ban quản lý các Khu kinh tế tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Chính

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND
ngày 24 tháng 6 năm 2016 của UBND tỉnh Quảng Trị)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị, đường xã và đường chuyên dùng) bao gồm: quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; sử dụng, khai thác phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; thi công và cấp phép thi công công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; trách nhiệm quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cơ quan, cá nhân trong nước và nước ngoài liên quan đến hoạt động quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; phân cấp quản lý công trình đường bộ; xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc hệ thống đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

3. Đối với những nội dung không được đề cập trong Quy định này, phải thực hiện theo quy định tại Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 11/2010/NĐ-CP); Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Nghị định số 100/2013/NĐ-CP); Thông tư số 52/2013/TT-BGTVT ngày 12 tháng 12 năm 2013 của Bộ Giao thông vận tải về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 52/2013/TT-BGTVT), Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT), Thông tư số 12/2014/TT-BGTVT ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định việc quản lý, vận hành khai thác cầu trên đường giao thông nông thôn và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan khác.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đường bộ, gồm: đường, cầu đường bộ, hầm đường bộ, bến phà đường bộ.
2. Công trình đường bộ, gồm: đường bộ, nơi dừng xe, đỗ xe trên đường bộ, đèn tín hiệu, biển báo hiệu, vạch kẻ đường, cọc tiêu, rào chắn, đảo giao thông, dải phân cách, cột cây số, tường, kè, hệ thống thoát nước, trạm kiểm tra tải trọng xe, trạm thu phí và các công trình, thiết bị phụ trợ đường bộ khác.
3. Kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, bao gồm: công trình đường bộ, bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ và các công trình phụ trợ khác trên đường bộ phục vụ giao thông và hành lang an toàn đường bộ.
4. Cơ quan quản lý đường bộ, bao gồm: Sở Giao thông vận tải, UBND huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện); UBND xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là UBND cấp xã); Ban Quản lý các Khu kinh tế.
5. Đơn vị quản lý, bảo trì đường bộ, bao gồm:
 - Tổ chức, cá nhân được cơ quan quản lý đường bộ, doanh nghiệp đầu tư và quản lý khai thác công trình đường bộ, chủ sở hữu công trình đường bộ chuyên dùng ký hợp đồng quản lý, bảo trì công trình đường bộ;
 - Doanh nghiệp đầu tư và quản lý khai thác công trình đường bộ, chủ sở hữu công trình đường bộ đối với trường hợp trực tiếp thực hiện việc quản lý, bảo trì công trình đường bộ.

Chương II**PHÂN LOẠI ĐƯỜNG BỘ VÀ PHÂN CẤP QUẢN LÝ KẾT CẤU
HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ****Điều 3. Phân loại đường bộ và phân cấp quản lý đường bộ**

1. Mạng lưới giao thông đường bộ địa phương được chia thành 5 (năm) hệ thống, gồm: đường tỉnh, đường huyện, đường xã, đường đô thị và đường chuyên dùng.
 - a) Đường tỉnh là đường nối trung tâm hành chính của tỉnh với trung tâm hành chính của huyện hoặc trung tâm hành chính của tỉnh lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.
 - b) Đường huyện là đường nối trung tâm hành chính của huyện với trung tâm hành chính của xã, cụm xã hoặc trung tâm hành chính của huyện lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện trừ hệ thống đường quy định tại Điểm a, Khoản 1 Điều này.
 - c) Đường xã là đường nối trung tâm hành chính của xã với các thôn, làng, ấp, bản và đơn vị tương đương hoặc đường nối với các xã lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của xã trừ hệ thống đường quy định tại Điểm a, b, Khoản 1 Điều này.

d) Đường đô thị là đường trong phạm vi địa giới hành chính nội thành, nội thị trừ hệ thống đường quy định tại Điểm a, Khoản 1 Điều này.

e) Đường chuyên dùng là đường chuyên phục vụ cho việc vận chuyên, đi lại của một hoặc một số cơ quan, tổ chức, cá nhân trừ hệ thống đường quy định tại Điểm a, b, c, d Khoản 1 Điều này.

2. Thẩm quyền phân loại và điều chỉnh các hệ thống đường bộ quy định như sau:

a) Hệ thống đường tỉnh, đường đô thị do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định sau khi thỏa thuận với Bộ Giao thông vận tải đối với đường tỉnh hoặc thỏa thuận với Bộ Giao thông vận tải và Bộ Xây dựng đối với đường đô thị.

b) Hệ thống đường huyện, đường xã do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định sau khi được Chủ tịch UBND cấp tỉnh đồng ý.

c) Hệ thống đường chuyên dùng do cơ quan, tổ chức, cá nhân có đường chuyên dùng quyết định sau khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với đường chuyên dùng đầu nối vào quốc lộ; ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Chủ tịch UBND tỉnh đối với đường chuyên dùng đầu nối vào đường tỉnh, đường đô thị, đường huyện; ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Chủ tịch UBND cấp huyện đối với đường chuyên dùng đầu nối vào đường xã.

3. Nguyên tắc đặt tên hoặc số hiệu đường bộ thực hiện theo Điều 3, Nghị định số 11/2010/NĐ-CP quy định: điểm đầu, điểm cuối của đường tỉnh, đường huyện, được xác định theo hướng Bắc - Nam hoặc Đông - Tây hoặc từ trung tâm hành chính huyện đến trung tâm hành chính xã, thị trấn hoặc từ quốc lộ đến trung tâm hành chính huyện, xã, thị trấn.

4. Phân cấp quản lý

a) Hệ thống đường tỉnh do Sở Giao thông vận tải quản lý; ngoài ra tùy thuộc vào điều kiện thực tế, UBND tỉnh sẽ giao Sở Giao thông vận tải trực tiếp quản lý một số công trình giao thông đường bộ khác trên địa bàn không thuộc hệ thống đường tỉnh.

b) Hệ thống công trình giao thông trong đô thị trừ công trình cầu đường sắt, công trình cầu vượt sông và đường quốc lộ do Sở Xây dựng quản lý trừ các công trình UBND tỉnh giao Sở Giao thông vận tải quản lý.

c) Hệ thống đường huyện, đường đô thị, đường trong các cụm công nghiệp do UBND cấp huyện quản lý trừ các tuyến đường đã được UBND tỉnh giao Sở Xây dựng hoặc Sở Giao thông vận tải quản lý.

d) Hệ thống đường xã do UBND cấp xã quản lý.

đ) Hệ thống đường trong các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh trừ hệ thống đường quy định tại Điểm a, b, c, Khoản 4 Điều này do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh quản lý.

e) Hệ thống đường chuyên dùng do chủ sở hữu đường chuyên dùng hoặc do tổ chức, cá nhân được chủ sở hữu ủy quyền quản lý.

Điều 4. Số hiệu và mã số đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị**1. Đường tỉnh**

a) Nguyên tắc, cách đặt số hiệu đường tỉnh thực hiện theo quy định tại các Điều 3, Điều 4 của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP quy định.

b) Mã số đường tỉnh để đặt số hiệu của hệ thống đường tỉnh, thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 30 của Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT.

2. Đường huyện

a) Nguyên tắc, cách đặt số hiệu đường huyện thực hiện theo quy định tại các Điều 3, Điều 4 của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Mã số đường huyện là số tự nhiên có từ 01 (một) đến 02 (hai) chữ số; mã số quy định đặt số hiệu theo đơn vị hành chính như sau:

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Số hiệu	Số TT	Tên đơn vị hành chính	Số hiệu
1	Thành phố Đông Hà	10 - Jan	6	Huyện Hải Lăng	51 - 60
2	Thị xã Quảng Trị	20 - Nov	7	Huyện Cam Lộ	61 - 70
3	Huyện Vĩnh Linh	21 - 30	8	Huyện Đakrông	71 - 80
4	Huyện Gio Linh	31 - 40	9	Huyện Hướng Hóa	81 - 90
5	Huyện Triệu Phong	41 - 50	10	Huyện Đảo Cồn Cỏ	91 - 99

Tên đường huyện đặt theo số hiệu quy định chung như sau: ĐH. x, trong đó:

- “ĐH” là ký hiệu viết tắt của tên hệ thống đường huyện;
- “x” là số thứ tự của các tuyến đường huyện thuộc huyện đó, là số tự nhiên có từ 01 (một) đến 02 (hai) chữ số như bảng trên.

Trường hợp sau khi đặt hết số hiệu mà vẫn còn tuyến tiếp theo chưa có số hiệu, thì xem xét tuyến đường đó có mối liên kết với các tuyến liền kề khác để lấy số hiệu và gắn với các chữ cái B, C... ví dụ: ĐH.40B, ĐH. 40C...

3. Đường đô thị thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Điều 4 của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP.

4. Đối với hệ thống đường xã (trục xã, trục thôn, ngõ xóm)

Tên đường xã đặt tên theo quy định chung như sau: đường A, trong đó: A là tên đường được đặt theo địa danh hoặc theo tập quán.

5. Đối với hệ thống đường chuyên dùng (ĐCD):

Đường chuyên dùng đặt theo số hiệu quy định chung như sau: ĐCD. x, trong đó:

- “ĐCD” là ký hiệu viết tắt của tên hệ thống đường chuyên dùng;
- “x” là số thứ tự của các tuyến đường chuyên dùng trên địa bàn tỉnh đã đăng ký với Sở Giao thông vận tải (gồm 2 chữ số tự nhiên từ 01 đến 99).

Chương III

QUẢN LÝ, BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 5. Nội dung công tác quản lý đường bộ

1. Lưu trữ và quản lý hồ sơ hoàn công công trình đường bộ xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất.

2. Lập hồ sơ quản lý công trình đường bộ

a) Đối với cầu đường bộ

Gồm các tài liệu trích từ hồ sơ hoàn công của cầu, hồ sơ hệ mốc cao độ, bình đồ, mặt cắt dọc, mặt cắt ngang cầu, mặt cắt địa chất, hồ sơ bồi thường giải phóng mặt bằng, hồ sơ mốc lộ giới, hành lang an toàn cầu; hồ sơ kiểm định, hồ sơ cấp phép thi công; lập sổ lý lịch cầu, cập nhật kết quả các đợt kiểm tra, kiểm định, các dự án sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất; sổ tuần tra, kiểm tra cầu.

b) Đối với đường bộ

Gồm các tài liệu trích từ hồ sơ hoàn công như bình đồ, mặt cắt dọc, mặt cắt ngang, mặt cắt địa chất, hệ thống thoát nước, hồ sơ bồi thường giải phóng mặt bằng, hồ sơ mốc lộ giới, hồ sơ cấp phép xây dựng; lập bình đồ duỗi thẳng và cập nhật các biến động về tổ chức giao thông, sử dụng đất dành cho đường bộ; sổ tuần đường; cập nhật số liệu về đếm xe (lưu lượng, tải trọng xe); cập nhật kết quả các đợt kiểm tra, các dự án sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất.

c) Công trình kè, công và các công trình nhân tạo tương tự, ngoài việc quản lý bảo dưỡng thường xuyên, phải lập kế hoạch kiểm tra, theo dõi riêng.

3. Lập hồ sơ quản lý hành lang an toàn đường bộ

a) Hồ sơ quản lý hành lang an toàn đường bộ bao gồm tình trạng sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ, các công trình ảnh hưởng đến an toàn đường bộ, an toàn giao thông; vi phạm, thời điểm vi phạm và quá trình xử lý vi phạm.

b) Hồ sơ đầu nối đường nhánh phải lập riêng để theo dõi và cập nhật bổ sung các vi phạm liên quan đến đầu nối đường nhánh để làm việc với các cấp có thẩm quyền và chính quyền địa phương nhằm đảm bảo an toàn giao thông đường bộ.

c) Lập hồ sơ quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật bao gồm hồ sơ hoàn công các công trình hạ tầng kỹ thuật nằm trong hành lang an toàn đường bộ, giấy phép thi công và các văn bản liên quan khác.

4. Tổ chức thực hiện quản lý, bảo vệ công trình đường bộ; phối hợp với công an, UBND các cấp quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

5. Theo dõi tình hình hư hại công trình đường bộ; tuần tra, kiểm tra thường xuyên, phát hiện kịp thời hư hỏng và các hành vi vi phạm kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, tiến hành xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị UBND các cấp xử lý theo quy định.

6. Kiểm tra tình trạng kỹ thuật định kỳ tháng, quý, năm; kiểm tra đột xuất sau mỗi đợt lụt, bão hoặc các tác động bất thường khác.

7. Thực hiện đếm xe, phân tích số liệu và đánh giá sự tăng trưởng của lưu lượng, kiểu loại phương tiện cơ giới đường bộ.

8. Thực hiện quản lý tải trọng, khổ giới hạn xe; tổ chức cấp giấy lưu hành cho xe bánh xích, xe quá khổ giới hạn, quá tải trọng công trình đường bộ; kiểm tra tải trọng xe ở các trạm kiểm tra tải trọng xe cố định hoặc tạm thời và xử lý theo quy định; phân tích đánh giá tác động do hoạt động của xe quá khổ, quá tải đến sự bền vững công trình đường bộ.

9. Lập biểu mẫu theo dõi số vụ tai nạn, xác định nguyên nhân ban đầu từng vụ tai nạn, thiệt hại do tai nạn. Phối hợp với cơ quan công an, chính quyền địa phương để giải quyết tai nạn giao thông theo thẩm quyền.

10. Phân làn, phân luồng, tổ chức giao thông; thường xuyên rà soát, điều chỉnh hệ thống báo hiệu đường bộ cho phù hợp; lập hồ sơ điểm đen, xử lý và theo dõi kết quả các điểm đen đã được xử lý.

11. Trục đảm bảo giao thông; theo dõi tình hình thời tiết, ngập lụt, các sự cố công trình, xử lý và báo cáo theo quy định.

12. Báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định.

Điều 6. Quản lý cơ sở dữ liệu đường bộ

1. Đơn vị quản lý, bảo trì đường bộ có trách nhiệm điều tra, khảo sát để xây dựng cơ sở dữ liệu về đường bộ trên các tuyến đường đang quản lý và báo cáo đúng định kỳ theo quy định gửi cho cơ quan quản lý đường bộ để phục vụ cho công tác bảo trì đường bộ và đầu tư xây dựng.

2. Định kỳ hàng quý, 6 tháng và cả năm, cơ quan quản lý đường bộ có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo về cơ sở hạ tầng do mình quản lý lên cơ quan cấp trên.

Điều 7. Tài liệu phục vụ công tác quản lý, khai thác công trình đường bộ

1. Các tài liệu phục vụ công tác quản lý, khai thác công trình đường bộ, bao gồm các nội dung:

a) Văn bản pháp lý liên quan như chủ trương xây dựng, quyết định phê duyệt dự án, phê duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công; văn bản thẩm tra, thẩm định thiết kế; quyết định phê duyệt nhà thầu xây lắp, nhà thầu tư vấn thiết kế, giám sát; hồ sơ hoàn công công trình.

b) Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, bản vẽ hoàn công (kể cả thiết kế điều chỉnh, nếu có).

c) Tài liệu về hướng dẫn kỹ thuật.

d) Quy trình bảo trì, quy trình khai thác cầu.

e) Tài liệu về giải phóng mặt bằng, hồ sơ mốc lộ giới, mốc giải phóng mặt bằng.

f) Nhật ký tuần đường, hồ sơ lý lịch cầu, hồ sơ đăng ký đường bộ, bình đồ duỗi thẳng, các hình ảnh chụp về tình trạng chất lượng cầu, sổ đếm xe trên đường bộ.

g) Các tài liệu liên quan đến kết quả kiểm tra, kiểm định, sửa chữa và các hoạt động khai thác, bảo trì công trình đường bộ.

2. Chủ đầu tư xây dựng công trình đường bộ có trách nhiệm bàn giao cho cơ quan quản lý đường bộ các tài liệu quy định từ các Điểm a, b, c, d, e trước khi đưa công trình vào sử dụng. Trong quá trình khai thác đơn vị quản lý, bảo trì đường bộ có trách nhiệm lập hồ sơ quản lý từ Điểm f và g của Khoản 1 Điều này.

Điều 8. Phạm vi đất dành cho đường bộ

1. Phạm vi đất dành cho đường bộ, gồm: đất của đường bộ và đất hành lang an toàn đường bộ.

2. Đất của đường bộ, bao gồm:

Phần đất trên đó công trình đường bộ được xây dựng và phần đất dọc hai bên đường bộ để quản lý, bảo trì, bảo vệ công trình đường bộ (dưới đây gọi tắt là phần đất bảo vệ, bảo trì đường bộ).

Phần đất bảo vệ, bảo trì đường bộ dùng để giữ vật tư sử dụng cho bảo trì, để di chuyển hoặc đặt các thiết bị thực hiện việc bảo trì, để chất bẩn từ mặt đường ra hai bên đường, chống xâm hại công trình đường bộ.

Phần đất bảo vệ, bảo trì đường bộ có bề rộng theo cấp đường, được xác định từ mép ngoài cùng của nền đường bộ (chân mái đường đắp hoặc mép ngoài của rãnh dọc tại các vị trí không đào không đắp hoặc mép đỉnh mái đường đào) ra mỗi bên như sau:

a) 03 mét đối với đường cao tốc, đường cấp I, đường cấp II.

b) 02 mét đối với đường cấp III.

c) 01 mét đối với đường từ cấp IV trở xuống.

3. Đối với đường bộ xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo, chủ đầu tư phải xác định giới hạn đất dành cho đường bộ và thực hiện như sau:

a) Đối với đất của đường bộ, lập thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất, thực hiện bồi thường theo quy định của pháp luật về đất đai.

b) Đối với đất hành lang an toàn đường bộ: Chủ đầu tư tiến hành cắm mốc giới hạn để bàn giao cho địa phương và cơ quan quản lý đường bộ quản lý theo quy định. Trường hợp công trình và các tài sản khác nằm trong hành lang an toàn đường bộ ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ thì chủ đầu tư tiến hành xác định mức độ ảnh hưởng, phối hợp cùng cơ quan quản lý đất đai của địa phương lập thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền bồi thường, hỗ trợ thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất, thiệt hại tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

4. Đối với đường bộ đang khai thác, cơ quan quản lý đường bộ chủ trì, phối hợp cùng cơ quan quản lý đất đai của địa phương xác định giới hạn đất dành cho

đường bộ, đất hành lang an toàn đường bộ và lập kế hoạch thực hiện các công việc dưới đây:

a) Rà soát, xác định giới hạn phần đất của đường bộ; lập thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất, thực hiện bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật về đất đai.

b) Rà soát, xác định giới hạn phần đất hành lang an toàn đường bộ; tiến hành cắm mốc giới hạn để bàn giao cho địa phương và cơ quan quản lý đường bộ quản lý theo quy hoạch; lập kế hoạch đề nghị cơ quan có thẩm quyền bồi thường, hỗ trợ thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất, thiệt hại tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 9. Giới hạn hành lang an toàn đường bộ

Hành lang an toàn đường bộ là dải đất dọc hai bên đất của đường bộ nhằm bảo đảm an toàn giao thông và bảo vệ công trình đường bộ. Giới hạn hành lang an toàn đường bộ xác định theo quy hoạch đường bộ được cấp có thẩm quyền phê duyệt và được quy định như sau:

1. Đối với đường ngoài đô thị: Căn cứ cấp kỹ thuật của đường theo quy hoạch, phạm vi hành lang an toàn đường bộ có bề rộng tính từ đất của đường bộ trở ra mỗi bên là:

- a) 17 mét đối với đường cấp I, cấp II.
- b) 13 mét đối với đường cấp III.
- c) 09 mét đối với đường cấp IV, cấp V.
- d) 04 mét đối với đường có cấp thấp hơn cấp V.

2. Đối với đường đô thị, giới hạn hành lang an toàn đường bộ là chỉ giới đường đỏ theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Đối với đường cao tốc ngoài đô thị

- a) 17 mét, tính từ đất của đường bộ ra mỗi bên.
- b) 20 mét, tính từ mép ngoài của kết cấu ngoài cùng ra mỗi bên đối với cầu cạn và hầm.

c) Trường hợp đường cao tốc có đường bên, căn cứ vào cấp kỹ thuật của đường bên để xác định hành lang an toàn theo Khoản 1 Điều này nhưng không được nhỏ hơn giới hạn hành lang an toàn được quy định tại Điểm a, Điểm b, Khoản 3 Điều này.

4. Đối với đường cao tốc trong đô thị

a) Không nhỏ hơn 10 mét tính từ mép ngoài của kết cấu ngoài cùng ra mỗi bên đối với hầm và cầu cạn.

b) Là chỉ giới đường đỏ theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với hầm và cầu cạn có đường bên và đường cao tốc có đường bên.

c) Từ mép ngoài của mặt đường đến chỉ giới đường đỏ, nhưng không nhỏ hơn 10 mét đối với đường cao tốc không có đường bên.

5. Đối với đường bộ có hành lang an toàn chồng lấn với hành lang an toàn đường sắt thì phân định ranh giới quản lý theo nguyên tắc ưu tiên bố trí hành lang an toàn cho đường sắt, nhưng ranh giới hành lang an toàn dành cho đường sắt không được chồng lên công trình đường bộ.

Trường hợp đường bộ, đường sắt liền kề và chung nhau rãnh dọc thì ranh giới hành lang an toàn là mép đáy rãnh phía nền đường cao hơn, nếu cao độ bằng nhau thì ranh giới hành lang an toàn là mép đáy rãnh phía đường sắt.

6. Đối với đường bộ có hành lang an toàn chồng lấn với hành lang bảo vệ đường thủy nội địa thì ranh giới hành lang an toàn là mép bờ tự nhiên.

Điều 10. Giới hạn hành lang an toàn đối với cầu, cống

1. Hành lang an toàn đối với cầu trên đường ngoài đô thị

a) Theo chiều dọc cầu tính từ đuôi mố cầu ra mỗi bên:

- 50 mét đối với cầu có chiều dài từ 60 mét trở lên;
- 30 mét đối với cầu có chiều dài dưới 60 mét.

b) Theo chiều ngang cầu tính từ mép ngoài cùng đất của đường bộ trở ra mỗi phía:

- 150 mét đối với cầu có chiều dài lớn hơn 300 mét;
- 100 mét đối với cầu có chiều dài từ 60 mét đến 300 mét;
- 50 mét đối với cầu có chiều dài từ 20 mét đến dưới 60 mét;
- 20 mét đối với cầu có chiều dài nhỏ hơn 20 mét.

2. Hành lang an toàn đối với cầu trên đường trong đô thị

a) Theo chiều dọc cầu được xác định như đối với cầu trên đường ngoài đô thị.

b) Theo chiều ngang cầu, đối với phần cầu chạy trên cạn kể cả phần cầu chạy trên phần đất không ngập nước thường xuyên và các cầu bắc qua sông, kênh, rạch không có hoạt động vận tải đường thủy được tính từ mép ngoài lan can ngoài cùng của cầu ra mỗi bên 07 mét, phần mố cầu lấy như hành lang đường đô thị; đối với phần cầu còn lại, quy định như Điểm b, Khoản 1 Điều này.

c) Tại các nút giao thông đô thị, các cầu vượt, hầm chui và cầu dành cho người đi bộ qua đường theo thiết kế được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Hành lang an toàn đối với cống tương ứng với hành lang an toàn đường bộ nơi đặt cống.

Điều 11. Giới hạn hành lang an toàn đối với hầm đường bộ

1. Đối với hầm đường bộ ngoài đô thị là vùng đất, vùng nước xung quanh công trình được tính từ điểm ngoài cùng của công trình hầm trở ra là 100 mét.

2. Đối với hầm đường bộ trong đô thị do tư vấn thiết kế xác định trên cơ sở đảm bảo an toàn bền vững hầm trong hồ sơ thiết kế và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 12. Giới hạn hành lang an toàn đối với bến phà, cầu phao

1. Theo chiều dọc: bằng chiều dài đường xuống bến phà, cầu phao.
2. Theo chiều ngang: từ tim bến phà, cầu phao trở ra mỗi phía thượng lưu, hạ lưu là 150 mét.

Điều 13. Giới hạn hành lang an toàn đối với kè bảo vệ đường bộ

1. Kè chống xói để bảo vệ nền đường
 - a) Từ đầu kè và từ cuối kè về hai phía thượng lưu, hạ lưu mỗi phía 50 mét.
 - b) Từ chân kè trở ra sông 20 mét.
2. Kè chỉnh trị dòng nước
 - a) Từ chân kè về hai phía thượng lưu, hạ lưu mỗi phía 100 mét.
 - b) Từ gốc kè trở vào bờ 50 mét.
 - c) Từ chân đầu kè trở ra sông 20 mét.
3. Trường hợp hành lang an toàn của kè bảo vệ đường bộ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này chồng lấn với hành lang an toàn của đê điều thì ranh giới là điểm giữa của khoảng cách giữa hai điểm ngoài cùng của hai công trình.

Điều 14. Phạm vi bảo vệ đối với một số công trình khác trên đường bộ

Phạm vi bảo vệ đối với bến xe, bãi đỗ xe, trạm điều khiển giao thông, trạm kiểm tra tải trọng xe, trạm thu phí cầu đường, trạm dừng nghỉ và các công trình phục vụ quản lý đường bộ là phạm vi vùng đất, vùng nước thuộc diện tích của công trình; diện tích của công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Điều 15. Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ phần trên không của công trình đường bộ xây dựng mới

Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ đối với phần trên không được quy định như sau:

1. Đối với đường là 4,75 mét tính từ điểm cao nhất của mặt đường trở lên theo phương thẳng đứng. Đối với đường cao tốc theo tiêu chuẩn quốc gia.
2. Đối với cầu là bộ phận kết cấu cao nhất của cầu, nhưng không thấp hơn 4,75 mét tính từ điểm cao nhất của mặt cầu (phần xe chạy) trở lên theo phương thẳng đứng.
3. Chiều cao đường dây thông tin đi phía trên đường bộ phải bảo đảm khoảng cách tối thiểu từ điểm cao nhất của mặt đường đến điểm thấp nhất của đường dây thông tin ở trạng thái võng cực đại theo phương thẳng đứng là 5,50 mét.

4. Chiều cao đường dây tải điện đi phía trên đường bộ hoặc gắn trực tiếp trên kết cấu của cầu phải bảo đảm an toàn cho hoạt động giao thông vận tải và an toàn lưới điện tùy theo điện áp của đường dây điện.

Điều 16. Khoảng cách các công trình đến công trình đường bộ

1. Các cơ sở sản xuất có vùng ảnh hưởng khói bụi, ô nhiễm không khí làm giảm tầm nhìn phải cách ranh giới ngoài của hành lang an toàn đường bộ một khoảng cách tương ứng vùng ảnh hưởng do cơ sở sản xuất gây ra.

2. Lò vôi, lò gạch hoặc các cơ sở sản xuất tương tự phải nằm ngoài và cách hành lang an toàn đường bộ 25 mét.

3. Chợ, điểm kinh doanh dịch vụ bố trí bãi dừng đỗ xe, nơi tập kết hàng hóa phải nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ và tổ chức điểm đầu nối ra, vào đường bộ theo quy định.

4. Các kho chứa vật liệu nổ, vật liệu có nguy cơ cháy cao, hóa chất độc hại, các mỏ khai thác vật liệu có sử dụng mìn phải nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ một khoảng cách bảo đảm an toàn cho hoạt động giao thông vận tải do cháy, nổ và ô nhiễm theo quy định của pháp luật.

5. Các khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu dân cư, khu thương mại dịch vụ và các công trình khác, trừ các công trình đã quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4 Điều này phải nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ và cách hành lang an toàn đường bộ một khoảng cách theo không gian kiến trúc quy định về khoảng cách xây dựng công trình.

6. Các công trình khác ở ngoài hành lang an toàn đường bộ nhưng ảnh hưởng đến hoạt động giao thông và an toàn giao thông đường bộ thì chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng phải khắc phục, sửa chữa kịp thời.

Điều 17. Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang

Đối với công trình cột Ăng ten viễn thông, đường dây thông tin, đường dây tải điện, tính từ chân mái đường đắp hoặc mép đỉnh mái đường đào đến chân cột tối thiểu bằng 1,3 lần chiều cao của cột và không được nhỏ hơn 05 mét. Các trường hợp khác, do UBND tỉnh quy định.

Điều 18. Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ phần dưới mặt đất, phần dưới mặt nước

Phần dưới mặt đất, phần dưới mặt nước đối với công trình đường bộ do cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền quyết định đối với từng công trình cụ thể, phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, bảo đảm an toàn giao thông, an toàn công trình và không ảnh hưởng đến việc quản lý, bảo trì đường bộ.

Chương IV
SỬ DỤNG, KHAI THÁC TRONG PHẠM VI BẢO VỆ
KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Mục 1
SỬ DỤNG, KHAI THÁC TRONG PHẠM VI ĐẤT
DÀNH CHO ĐƯỜNG BỘ

Điều 19. Sử dụng đất dành cho đường bộ

1. Đất dành cho đường bộ chỉ dành để xây dựng công trình đường bộ, sử dụng và khai thác để phục vụ cho mục đích an toàn giao thông vận tải đường bộ, trừ một số công trình thiết yếu không thể bố trí ngoài phạm vi đất dành cho đường bộ.

2. Việc xây dựng một số công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường bộ phải bảo đảm khai thác an toàn công trình đường bộ và chỉ được áp dụng trong các trường hợp sau:

a) Công trình phục vụ yêu cầu bảo đảm an ninh, quốc phòng.

b) Công trình có yêu cầu đặc biệt về kỹ thuật không thể bố trí ngoài phạm vi đất dành cho đường bộ.

3. Dự án khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu dân cư, khu thương mại dịch vụ và các công trình khác phải xây dựng theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và có hệ thống đường gom nằm ngoài phạm vi đất dành cho đường bộ. Chủ đầu tư dự án chịu trách nhiệm xây dựng hệ thống đường gom, không sử dụng đất dành cho đường bộ để làm công trình phụ trợ, đường đầu nối; trường hợp cần phải sử dụng đất dành cho đường bộ để làm đường đầu nối thì phải thực hiện đúng vị trí điểm đầu nối trong quy hoạch đầu nối đã thỏa thuận với cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền.

4. Không sử dụng đất dành cho đường bộ làm nơi ở, hoạt động kinh doanh dịch vụ; neo đậu tàu, thuyền và xây dựng các công trình làm thay đổi dòng chảy, gây xói lở mất an toàn công trình cầu, cầu phao, bến phà, kè chỉnh trị dòng nước và kè chống xói nền đường.

Điều 20. Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường địa phương đang khai thác

1. Trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án, chủ đầu tư dự án công trình thiết yếu gửi hồ sơ đề nghị được chấp thuận việc xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền để được xem xét giải quyết, cụ thể như sau:

a) Sở Giao thông vận tải chấp thuận xây dựng đối với công trình thiết yếu trên hệ thống đường tỉnh và các tuyến đường khác được giao quản lý.

b) UBND cấp huyện chấp thuận đối với công trình thiết yếu trên hệ thống đường đô thị, đường huyện, đường trong các khu công nghiệp do huyện quản lý,

đường xã và các tuyến đường khác trên địa bàn thuộc địa giới hành chính quản lý, trừ quy định tại Điểm a, Khoản 1 Điều này.

c) Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh chấp thuận đối với công trình thiết yếu trên hệ thống đường trong các khu kinh tế và khu công nghiệp tỉnh trừ hệ thống đường quy định tại Điểm a, b, Khoản 1 Điều này.

2. Trình tự, cách thức thực hiện

a) Tổ chức, đơn vị nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại văn phòng cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

b) Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ

- Đối với trường hợp nộp trực tiếp: sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ; nếu không đúng quy định, hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ;

- Đối với trường hợp nộp gián tiếp qua hệ thống bưu chính, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện;

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện, có văn bản chấp thuận hoặc cấp Giấy phép thi công. Trường hợp không chấp thuận hoặc không cấp phép, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3. Hồ sơ đề nghị chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu (01 bộ), gồm:

- Đơn đề nghị xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ bản chính theo mẫu tại Phụ lục số I ban hành kèm theo Quy định này;

- Hồ sơ thiết kế trong đó có bình đồ, trắc dọc, trắc ngang vị trí đoạn tuyến có xây dựng công trình. Nếu hồ sơ thiết kế là hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công, đối với công trình thiết yếu xây lắp qua cầu, hầm hoặc các công trình đường bộ phức tạp khác, phải có Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế (bản sao có công chứng);

4. Thời hạn giải quyết: trong 5 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ theo quy định.

5. Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu có giá trị trong thời gian 18 tháng kể từ ngày ban hành; nếu quá 18 tháng, phải thực hiện thủ tục gia hạn. Thủ tục gia hạn quy định như sau:

a) Đơn đề nghị gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của chủ công trình theo mẫu tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quy định này.

b) Thời gian giải quyết: trong 5 ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn gia hạn theo quy định.

c) Thời gian gia hạn: chỉ thực hiện việc gia hạn 01 lần với thời gian không quá 12 tháng;

d) Trình tự, cách thức thực hiện thủ tục theo quy định tại Khoản 2 của Điều này.

Điều 21. Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của hệ thống đường địa phương đang khai thác

1. Cơ quan có thẩm quyền cấp phép thi công là Sở Giao thông vận tải, UBND cấp huyện hoặc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh được giao quản lý tuyến.

2. Hồ sơ đề nghị cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu (01 bộ), gồm:

a) Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình theo mẫu tại Phụ lục số IV ban hành kèm theo Quy định này.

b) Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu).

c) 02 bản thiết kế bản vẽ thi công, trong đó có biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính).

3. Trình tự, cách thức thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 20 của Quy định này.

4. Thời hạn giải quyết: trong 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Công trình thiết yếu xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phải được cơ quan cấp phép thi công nghiệm thu hạng mục công trình đường bộ.

Điều 22. Chấp thuận và cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của hệ thống đường địa phương đang khai thác

1. Việc lắp đặt biển quảng cáo trong hoặc ngoài hành lang an toàn đường bộ tuân theo các quy định của pháp luật về quảng cáo và về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Cá nhân, tổ chức được phép lắp đặt biển quảng cáo chịu toàn bộ trách nhiệm liên quan do việc lắp đặt biển quảng cáo gây ra.

2. Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang của biển quảng cáo tính từ mép đất của đường bộ đến điểm gần nhất của biển quảng cáo tối thiểu bằng 1,3 lần chiều cao của biển (điểm cao nhất của biển) và không được nhỏ hơn 05 mét.

3. Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang của biển quảng cáo lắp đặt ngoài phạm vi đất dành cho đường bộ theo quy định tại khoản 2 Điều này. Nếu giới hạn này bị vi phạm, đơn vị quản lý đường bộ đề nghị cơ quan cấp phép xây dựng biển quảng cáo yêu cầu tổ chức, cá nhân dừng việc lắp đặt biển quảng cáo.

4. Cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của hệ thống đường địa phương đang khai thác được quy định như sau:

a) Sở Giao thông vận tải chấp thuận, cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo đối với hệ thống đường tỉnh và các tuyến đường khác được giao quản lý khai thác.

b) UBND cấp huyện chấp thuận, cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo đối với hệ thống đường huyện, đường xã, đường đô thị và các tuyến đường khác trên địa bàn thuộc địa giới hành chính do mình quản lý, trừ quy định tại Điểm a, Khoản 4 Điều này.

5. Trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ, thời gian giải quyết thủ tục chấp thuận xây dựng hoặc cấp phép thi công thực hiện như đối với công trình thiết yếu.

Điều 23. Chấp thuận, cấp phép thi công xây dựng công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ đối với hệ thống đường địa phương đang khai thác

1. Trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ (trừ các dự án do cơ quan quản lý tuyến đường là cấp quyết định đầu tư hoặc chủ đầu tư), chủ đầu tư dự án gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận đến cơ quan quản lý đường bộ để được xem xét giải quyết.

2. Chủ đầu tư hoặc nhà thầu thi công công trình đường bộ trên hệ thống đường địa phương đang khai thác phải đề nghị cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền cấp giấy phép thi công.

3. Hồ sơ đề nghị cấp phép thi công (01 bộ), gồm:

a) Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình theo mẫu tại Phụ lục số IV ban hành kèm theo Quy định này.

b) Văn bản phê duyệt hoặc chấp thuận thiết kế của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu).

c) Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính).

4. Trình tự, cách thức thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 20 của Quy định này.

5. Thời hạn giải quyết: trong 5 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

6. Đối với các dự án nâng cấp, cải tạo đường bộ đang khai thác do cơ quan quản lý đường bộ (Sở Giao thông vận tải hoặc UBND cấp huyện được giao quản lý tuyến) là chủ đầu tư, không phải đề nghị cấp giấy phép thi công; nhưng trước khi thi

công, Ban Quản lý dự án hoặc nhà thầu thi công phải gửi đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền hồ sơ có liên quan gồm: quyết định duyệt dự án, hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt kể cả phương án thi công, biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông để cơ quan quản lý đường bộ xem xét, thỏa thuận bằng văn bản về thời gian thi công, biện pháp tổ chức bảo đảm an toàn giao thông khi thi công.

7. Tổ chức, cá nhân quản lý, bảo trì đường bộ làm công tác bảo dưỡng thường xuyên không phải đề nghị cấp Giấy phép thi công nhưng phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trong suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Điều 24. Đầu nối đường nhánh vào đường tỉnh

1. Đường nhánh đầu nối vào đường tỉnh, bao gồm:

a) Đường huyện, đường xã, đường đô thị.

b) Đường dẫn ra, vào cửa hàng xăng dầu, trạm dừng nghỉ.

c) Đường chuyên dùng: đường phục vụ thi công, đường trong các khu công nghiệp, khu kinh tế, đường khai thác mỏ, đường lâm nghiệp, đường nối trực tiếp từ công trình đơn lẻ trừ hệ thống đường tỉnh và hệ thống đường quy định tại Điểm a, b, Khoản 1 Điều này.

d) Đường gom, đường nối từ đường gom.

2. Khi quy hoạch các khu dân cư mới, các khu công nghiệp không đầu nối trực tiếp vào đường tỉnh mà phải thông qua đường gom, đường gom phải nằm ngoài phần đất dành cho đường bộ. Trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, chủ đầu tư phải thỏa thuận với Sở Giao thông vận tải để được chấp thuận bằng văn bản.

Đối với các khu dân cư, khu công nghiệp đầu nối trực tiếp vào đường tỉnh trước Quy định này có hiệu lực chưa xây dựng được hệ thống đường gom thì tạm thời giữ nguyên các vị trí đầu nối đường huyện, đường xã, đường đô thị vào đường tỉnh; khi thực hiện cải tạo các điểm đầu nối của đường huyện, đường trục chính xã với đường tỉnh chủ đầu tư phải thống nhất phương án với Sở Giao thông vận tải để được chấp thuận bằng văn bản.

3. Đầu nối các cửa hàng xăng dầu: Vị trí đầu nối các cửa hàng xăng dầu theo quy hoạch đã được UBND tỉnh tỉnh phê duyệt. Trường hợp có phát sinh bổ sung thêm ngoài các vị trí đã được phê duyệt trước khi trình UBND tỉnh phê duyệt bổ sung chủ đầu tư phải thỏa thuận và có văn bản chấp thuận của Sở Giao thông vận tải về vị trí đặt cửa hàng xăng dầu.

Thiết kế nút giao của cửa hàng xăng dầu vào đường tỉnh phải có đường ra, đường vào, đảo giao thông phân luồng đường ra đường vào, rãnh thoát nước. Cao độ đường ra, vào cửa hàng xăng dầu hoặc các công trình khác phải thấp hơn cao độ mặt đường đảm bảo thoát nước trong khu vực và thoát nước mặt đường (ở những đoạn đường chưa xây dựng rãnh thoát nước).

4. Thiết kế nút giao của đường nhánh (đường huyện, đường trục xã) đầu nối vào đường tỉnh phải phù hợp với Tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành về yêu cầu thiết kế đường ô tô.

5. Đầu nối đường nhánh vào đường tỉnh đang khai thác: UBND cấp huyện căn cứ nhu cầu phát triển kinh tế xã hội và quy hoạch phát triển giao thông vận tải của địa phương; Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh (đối với đường được phân cấp quản lý) căn cứ quy hoạch xây dựng các khu kinh tế, khu công nghiệp để lập quy hoạch các điểm đầu nối theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đầu nối vào hệ thống đường địa phương

1. Cơ quan chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đầu nối vào hệ thống đường địa phương là Sở Giao thông vận tải hoặc UBND cấp huyện được giao quản lý tuyến.

2. Hồ sơ đề nghị chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao (01 bộ), gồm:

a) Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao theo mẫu tại Phụ lục số III ban hành kèm theo Quy định này.

b) Văn bản chấp thuận của Sở Giao thông vận tải hoặc UBND cấp huyện được giao quản lý tuyến cho phép đầu nối hoặc cải tạo đầu nối đường nhánh vào đường địa phương (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu).

c) Văn bản của cấp có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu) giao tổ chức, cá nhân làm chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao.

d) Thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao (có biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông) do tổ chức tư vấn được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ lập (bản chính).

3. Trình tự, cách thức thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 20 của Quy định này.

4. Thời hạn giải quyết: trong 7 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Văn bản chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao có giá trị trong thời gian 12 tháng kể từ ngày ký ban hành, nếu quá 12 tháng phải thực hiện việc gia hạn. Thủ tục gia hạn như quy định đối với việc gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu tại Khoản 5, Điều 20 của Quy định này.

Điều 26. Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường địa phương

1. Cơ quan có thẩm quyền cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường địa phương là Sở Giao thông vận tải hoặc UBND cấp huyện được giao quản lý tuyến.

2. Hồ sơ đề nghị cấp phép thi công xây dựng nút giao đầu nối vào đường địa phương (02 bộ), gồm:

a) Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình theo mẫu tại Phụ lục số IV ban hành kèm theo Quy định này.

b) Văn bản chấp thuận xây dựng hoặc chấp thuận thiết kế nút giao của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu).

c) Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công trong đó có biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính).

3. Trình tự, cách thức thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 20 của Quy định này.

4. Thời hạn giải quyết: trong 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Nút giao phải được cơ quan cấp phép thi công nghiệm thu và chấp thuận đưa vào khai thác, sử dụng.

6. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về chất lượng công trình nút giao ảnh hưởng đến an toàn giao thông, bền vững kết cấu công trình đường bộ và phải nộp 01 bộ hồ sơ hoàn công để cơ quan cấp phép thi công lưu trữ và bổ sung, cập nhật nút giao vào hồ sơ quản lý tuyến đường.

7. Chủ sử dụng nút giao chịu trách nhiệm bảo trì nút giao; việc bảo dưỡng thường xuyên nút giao không phải đề nghị cấp phép thi công nhưng phải chịu trách nhiệm nếu để xảy ra tai nạn giao thông; khi sửa chữa định kỳ nút giao phải đề nghị cấp phép thi công theo quy định tại Điều này.

Điều 27. Đầu nối tạm có thời hạn vào đường địa phương đang khai thác

1. Đối với dự án, công trình xây dựng do điều kiện địa hình trong khu vực khó khăn hoặc điều kiện kỹ thuật của thiết bị, cho phép mở điểm đầu nối tạm có thời hạn để làm đường công vụ vận chuyển nguyên vật liệu, vận chuyển thiết bị máy móc; hết thời hạn đầu nối tạm sẽ hoàn trả hiện trạng ban đầu của hành lang an toàn đường bộ.

2. Thời hạn sử dụng điểm đầu nối tạm thời không quá 12 tháng, trường hợp đặc biệt có thể gia hạn 01 (một) lần nhưng tổng thời gian mở điểm đầu nối tạm không quá 24 tháng. Sau thời hạn này, chủ đầu tư dự án có trách nhiệm xóa bỏ điểm đầu nối tạm thời và hoàn trả hành lang an toàn đường bộ như ban đầu; trường hợp dự án, công trình có tiến độ thi công lớn hơn 24 tháng, phải làm đường gom nối từ dự án đến nút giao điểm đầu nối gần nhất có trong quy hoạch các điểm đầu nối đã được phê duyệt.

3. Cơ quan có thẩm quyền cấp phép đầu nối tạm thời có thời hạn vào đường địa phương đang khai thác là Sở Giao thông vận tải hoặc UBND cấp huyện được giao quản lý tuyến.

4. Hồ sơ đề nghị đấu nối tạm thời có thời hạn vào đường địa phương đang khai thác (01 bộ), gồm:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận đấu nối tạm thời nêu rõ lý do, vị trí, lý trình điểm đấu nối, thời gian sử dụng điểm đấu nối tạm thời.

b) Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án đầu tư của cơ quan có thẩm quyền, các tài liệu liên quan khác (nếu có).

c) Bản vẽ bình đồ đoạn tuyến có điểm đấu nối tạm thời và phương án tổ chức giao thông của nút giao.

5. Trình tự, cách thức thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 20 của Quy định này;

5. Việc chấp thuận thiết kế, cấp phép thi công điểm đấu nối tạm thời thực hiện theo quy định tại Điều 25 và Điều 26 Quy định này.

Điều 28. Đảm bảo giao thông và an toàn giao thông khi thi công trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đang khai thác

Thực hiện theo quy định từ Điều 35 đến Điều 52 của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

Mục 2

SỬ DỤNG TẠM THỜI ĐƯỜNG BỘ VÀO MỤC ĐÍCH KHÁC

Điều 29. Sử dụng đường bộ vào các hoạt động văn hóa

1. Cơ quan, tổ chức có nhu cầu sử dụng đường bộ để tiến hành hoạt động văn hóa (thể thao, diễu hành, lễ hội) phải gửi hồ sơ đề nghị được chấp thuận cho phép sử dụng đường bộ vào các hoạt động văn hóa đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền trước ngày diễn ra hoạt động văn hóa ít nhất là 10 ngày làm việc để được xem xét giải quyết, cụ thể như sau:

- Sở Giao thông vận tải chấp thuận đối với hoạt động văn hóa trên quốc lộ ủy thác quản lý và đường tỉnh, đường đô thị được giao quản lý khai thác;

- Cơ quan chuyên môn của UBND cấp huyện chấp thuận đối với hoạt động văn hóa trên đường huyện trong địa bàn huyện hoặc đối với hoạt động văn hóa diễn ra đồng thời trên cả đường huyện và đường xã trong địa bàn huyện quản lý;

- UBND cấp xã chấp thuận đối với hoạt động văn hóa trên đường xã trong địa bàn quản lý.

2. Trình tự, cách thức thực hiện thủ tục được quy định tại Khoản 2, Điều 20 của Quy định này.

3. Hồ sơ đề nghị chấp thuận cho phép sử dụng đường bộ vào các hoạt động văn hóa (01 bộ), gồm:

a) Văn bản đề nghị được chấp thuận sử dụng đường bộ vào các hoạt động văn hóa. Nội dung văn bản đề nghị phải nêu rõ nội dung, chương trình, thời gian sử dụng đường bộ.

b) Phương án bảo đảm an toàn giao thông trong quá trình tổ chức hoạt động văn hóa trên đường bộ.

4. Cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền xem xét, thống nhất bằng văn bản về phương án bảo đảm an toàn giao thông trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản đề nghị. Trường hợp cần hạn chế giao thông hoặc cấm đường thì cơ quan quản lý đường bộ phải ra thông báo phương án phân luồng giao thông; cơ quan, tổ chức có nhu cầu sử dụng đường bộ hoạt động văn hóa phải đăng tải thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng trước 05 ngày diễn ra hoạt động văn hóa.

5. Cơ quan, tổ chức chủ trì hoạt động văn hóa chịu trách nhiệm thu dọn các phương tiện, thiết bị và hoàn trả hiện trạng đường bộ khi kết thúc hoạt động văn hóa; chịu trách nhiệm về việc mất an toàn giao thông do không thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trong phương án đã được cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền thống nhất.

Điều 30. Sử dụng tạm thời một phần hè phố không vào mục đích giao thông

1. Việc sử dụng tạm thời một phần hè phố không vào mục đích giao thông, không được gây mất trật tự, an toàn giao thông.

2. Hè phố được phép sử dụng tạm thời không vào mục đích giao thông trong các trường hợp dưới đây:

a) Tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Thời gian sử dụng tạm thời hè phố không quá 30 ngày; trường hợp thời gian sử dụng tạm thời lớn hơn 30 ngày phải được UBND cấp tỉnh chấp thuận.

b) Tổ chức đám tang và điếm trông, giữ xe phục vụ đám tang của hộ gia đình; thời gian sử dụng tạm thời hè phố không quá 48 giờ, trường hợp đặc biệt không quá 72 giờ.

c) Tổ chức đám cưới và điếm trông, giữ xe phục vụ đám cưới của hộ gia đình; thời gian sử dụng tạm thời hè phố không quá 48 giờ.

d) Điếm trông, giữ xe phục vụ hoạt động văn hóa, thể thao, diễu hành, lễ hội; thời gian sử dụng tạm thời hè phố không quá thời gian tổ chức hoạt động văn hóa đó.

đ) Điếm trung chuyển vật liệu, phế thải xây dựng để phục vụ thi công công trình của hộ gia đình; thời gian sử dụng từ 22 giờ đêm ngày hôm trước đến 6 giờ sáng ngày hôm sau.

3. Vị trí hè phố được phép sử dụng tạm thời không vào mục đích giao thông phải đáp ứng đủ các điều kiện dưới đây:

a) Phần hè phố còn lại dành cho người đi bộ có bề rộng tối thiểu đạt 1,5 mét;

b) Hè phố có kết cấu chịu lực phù hợp với trường hợp được phép sử dụng tạm thời.

4. Đối với trường hợp sử dụng hè phố quy định tại Điểm b, Điểm c, Khoản 2 Điều này, hộ gia đình phải thông báo với UBND phường, thị trấn sở tại trước khi sử dụng tạm thời một phần hè phố. Đối với các trường hợp quy định tại các Điểm a, d, đ, Khoản 2 Điều này, UBND tỉnh quy định thủ tục hành chính và cấp phép sử dụng tạm thời hè phố.

5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân sau khi sử dụng tạm thời một phần hè phố không vào mục đích giao thông phải hoàn trả đúng hiện trạng ban đầu của hè phố để đảm bảo trật tự, an toàn giao thông và vệ sinh môi trường.

Điều 31. Sử dụng tạm thời một phần lòng đường không vào mục đích giao thông

1. Việc sử dụng tạm thời một phần lòng đường không vào mục đích giao thông không được gây mất trật tự, an toàn giao thông.

2. Lòng đường được phép sử dụng tạm thời không vào mục đích giao thông trong các trường hợp dưới đây:

a) Điểm trông, giữ xe ô tô phục vụ các hoạt động văn hóa, thể thao, diễu hành, lễ hội; thời gian sử dụng tạm thời lòng đường không quá thời gian tổ chức hoạt động đó;

b) Điểm trung chuyển rác thải sinh hoạt của doanh nghiệp vệ sinh môi trường đô thị; thời gian sử dụng từ 22 giờ đêm ngày hôm trước đến 6 giờ sáng ngày hôm sau.

3. Vị trí lòng đường được phép sử dụng tạm thời không vào mục đích giao thông phải đáp ứng đủ các điều kiện dưới đây:

a) Không thuộc tuyến Quốc lộ đi qua đô thị.

b) Phần lòng đường còn lại dành cho các loại phương tiện có bề rộng tối thiểu bố trí đủ 02 làn xe cho một chiều đi.

c) Lòng đường có kết cấu chịu lực phù hợp với trường hợp được phép sử dụng tạm thời.

4. UBND tỉnh quy định thủ tục hành chính và cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường không vào mục đích giao thông được quy định tại Điều này.

5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân sau khi sử dụng tạm thời một phần lòng đường không vào mục đích giao thông phải hoàn trả đúng hiện trạng ban đầu của lòng đường để bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và vệ sinh môi trường.

Chương V

THẨM ĐỊNH AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 32. Thẩm quyền quyết định và tổ chức thực hiện thẩm định an toàn giao thông

1. Đối với công trình đường bộ xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo

- Để đảm bảo an toàn giao thông, tất cả các công trình đường bộ xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, trước khi đưa vào khai thác sử dụng phải được thẩm định an toàn giao thông;

- UBND tỉnh quyết định và tổ chức thẩm định dự án do UBND tỉnh quyết định đầu tư, dự án đường đô thị, đường tỉnh, đường huyện theo hình thức PPP. Chủ đầu tư, nhà đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện thẩm tra an toàn giao thông.

2. Đối với công trình đường bộ đang khai thác

UBND tỉnh quyết định và tổ chức thực hiện thẩm định an toàn giao thông đối với đường đô thị, đường tỉnh, đường huyện và đường xã (bao gồm cả đường được đầu tư theo hình thức PPP và đường địa phương trên địa bàn). Các đơn vị được giao quản lý đường bộ theo phân cấp tại Khoản 4, Điều 3 của Quy định này, Nhà đầu tư, tổ chức, cá nhân có đường chuyên dùng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện thẩm tra an toàn giao thông đường bộ.

Điều 33. Thẩm tra an toàn giao thông

Việc thẩm tra an toàn giao thông do một tổ chức có đủ năng lực thực hiện theo quy định tại Điều 12 của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2011 của Chính phủ; tổ chức thẩm tra an toàn giao thông hoạt động độc lập với tổ chức tư vấn thiết kế đã lập hồ sơ dự án, thiết kế công trình.

Điều 34. Chi phí thẩm tra an toàn giao thông

Chi phí thẩm tra an toàn giao thông được tính vào tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng công trình đối với công trình đường bộ xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo; được sử dụng trong nguồn tài chính dành cho quản lý, bảo trì đường bộ đối với công trình đường bộ đang khai thác.

Chi phí thẩm tra an toàn giao thông thực hiện theo Thông tư số 45/2011/TT-BGTVT ngày 10 tháng 6 năm 2011 của Bộ Giao thông vận tải quy định về chi phí thẩm tra an toàn giao thông đối với công trình đường bộ xây dựng mới; công trình nâng cấp, cải tạo.

Điều 35. Trình tự, nội dung thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông

Thực hiện theo quy định từ Điều 56 đến Điều 53 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giao thông Vận tải.

Chương VI

QUY ĐỊNH VỀ TUẦN TRA, KIỂM TRA, BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 36. Công tác tuần đường, tuần kiểm đường bộ

1. Công tác tuần đường

a) Nhân viên tuần đường được bố trí chuyên trách ở đơn vị quản lý, bảo trì đường bộ.

b) Nhiệm vụ tuần đường, bao gồm: theo dõi tổ chức giao thông, tai nạn giao thông, tình trạng công trình đường bộ; phát hiện kịp thời hư hỏng hoặc các hành vi xâm phạm công trình đường bộ, các hành vi lấn chiếm, sử dụng trái phép đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ; xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý.

c) Nhiệm vụ tuần đường được thực hiện tất cả các ngày trong năm.

2. Công tác tuần kiểm đường bộ

a) Tuần kiểm viên được bố trí chuyên trách thực hiện nhiệm vụ tuần kiểm đường bộ.

b) Nhiệm vụ tuần kiểm đường bộ, bao gồm: theo dõi, giám sát kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của nhân viên tuần đường và của đơn vị quản lý, bảo trì đường bộ; xử lý hoặc phối hợp xử lý các hành vi xâm phạm công trình đường bộ, lấn chiếm, sử dụng trái phép đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ.

c) Nhiệm vụ tuần kiểm đường bộ được thực hiện tối thiểu 01 lần/tuần.

3. Đối với dự án đường bộ thực hiện đầu tư theo hình thức BOT, BTO, PPP, doanh nghiệp dự án tổ chức hoạt động tuần đường theo quy định tại Quy định này; chịu sự quản lý của nhà đầu tư và hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ của Sở Giao thông vận tải.

4. Các công trình cầu, hầm đặc biệt, ngoài việc thực hiện theo quy định của Quy định này còn thực hiện theo quy định riêng về quản lý, bảo vệ, bảo trì và khai thác của công trình đó.

Điều 37. Tuần tra, kiểm tra phạm vi đất của đường bộ

1. Nhân viên tuần đường

a) Phát hiện tình trạng bất thường, sự cố của công trình đường bộ, các công trình khác ảnh hưởng đến an toàn giao thông và tai nạn, ùn tắc giao thông (chụp ảnh hiện trạng hư hỏng, tai nạn và báo cáo kịp thời).

b) Đối với công trình đường bộ

Thông kê, nắm rõ số lượng, vị trí, tình trạng chi tiết của công trình đường bộ trong đoạn tuyến được giao; kiểm tra thường xuyên để phát hiện hư hỏng, sự xâm hại công trình; báo cáo Đơn vị quản lý, bảo trì đường bộ và Tuần kiểm viên để có biện pháp xử lý.

Trường hợp hư hỏng nhỏ, việc xử lý không cần vật tư thiết bị (cọc tiêu, biển báo bị xiêu vẹo; bu lông bị lỏng, tuột; đá lăn, cây đổ, vật liệu rơi vãi trên đường hoặc các hư hỏng tương tự khác), nhân viên tuần đường thực hiện hoặc yêu cầu công nhân bảo trì thường xuyên xử lý ngay.

Trường hợp hư hỏng lớn, sửa chữa cần vật tư, thiết bị, phải có biện pháp báo hiệu cho người tham gia giao thông biết để phòng tránh, đồng thời, báo cáo Đơn vị quản lý, bảo trì đường bộ và Tuần kiểm viên để có giải pháp xử lý kịp thời.

c) Đối với giao thông trên tuyến

Khi xảy ra ùn, tắc hoặc tai nạn giao thông, nhân viên tuần đường phải có mặt để thu thập thông tin, sơ bộ xác định nguyên nhân và đề xuất giải pháp xử lý; thực hiện hoặc phối hợp với các lực lượng chức năng hướng dẫn, điều hành giao thông.

Theo dõi việc thi công công trình trên đường bộ đang khai thác, nhắc nhở nhà thầu thi công bảo đảm an toàn giao thông; nếu phát hiện các hành vi gây mất an toàn giao thông báo cáo ngay Tuần kiểm viên để xử lý kịp thời.

d) Công tác quản lý, bảo vệ phạm vi đất của đường bộ

Phát hiện kịp thời, lập biên bản xác nhận hành vi vi phạm, báo cáo đơn vị được giao trực tiếp quản lý, bảo trì đường bộ và Tuần kiểm viên xử lý đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1, 2, 3, Điều 8 và Khoản 2, Điều 35 Luật Giao thông đường bộ.

2. Tuần kiểm viên

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của nhân viên tuần đường và của Đơn vị quản lý, bảo trì đường bộ.

b) Phát hiện kịp thời điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông và đề xuất phương án xử lý; thu thập và lập biểu theo dõi các vụ tai nạn theo quy định.

c) Kiểm tra giấy phép thi công, phát hiện và lập biên bản vi phạm, đình chỉ hành vi vi phạm theo thẩm quyền được pháp luật quy định; báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý.

d) Đình chỉ hành vi vi phạm, lập biên bản vi phạm theo thẩm quyền được pháp luật quy định, phối hợp với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương ngăn chặn, xử lý các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại Khoản 1, 2, 3, Điều 8 và Khoản 2, Điều 35 Luật Giao thông đường bộ.

đ) Tham gia kiểm tra định kỳ, kiểm tra đột xuất công trình đường bộ; đề xuất kế hoạch sửa chữa với cơ quan quản lý đường bộ.

Điều 38. Tuần tra, kiểm tra hành lang an toàn đường bộ

1. Nhân viên tuần đường:

a) Thống kê, nắm rõ hệ thống cọc mốc giải phóng mặt bằng, cọc mốc lộ giới, hiện trạng phạm vi hành lang an toàn đường bộ của đoạn tuyến được giao quản lý.

b) Phát hiện kịp thời hành vi vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ hành lang an toàn đường bộ; lập biên bản xác nhận hành vi vi phạm, báo cáo Lãnh đạo đơn vị quản lý, bảo trì đường bộ và Tuần kiểm viên.

2. Tuần kiểm viên

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của nhân viên tuần đường và của đơn vị quản lý, bảo trì đường bộ.

b) Đình chỉ hành vi, lập biên bản vi phạm theo thẩm quyền được pháp luật quy định, báo cáo cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền; phối hợp với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương xử lý hành vi vi phạm quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Điều 39. Trách nhiệm của nhân viên tuần đường, Tuần kiểm viên**1. Nhân viên tuần đường**

a) Chủ động nhắc nhở, giải thích, hướng dẫn các đối tượng vi phạm chấp hành quy định của pháp luật nhằm ngăn chặn ngay từ ban đầu hành vi vi phạm.

b) Báo cáo kịp thời hành vi vi phạm, sự cố gây mất an toàn giao thông và kết quả xử lý ban đầu cho đơn vị quản lý, bảo trì đường bộ và Tuần kiểm viên để có biện pháp xử lý kịp thời.

c) Tất cả các diễn biến về thời tiết, tình trạng cầu, đường, tình hình vi phạm công trình và hành lang an toàn đường bộ (kể cả các biên bản và ý kiến giải quyết) trong ca làm việc đều được ghi chi tiết vào sổ Nhật ký tuần đường. Cuối ca làm việc phải báo cáo kết quả và trình Nhật ký tuần đường cho Lãnh đạo đơn vị quản lý, bảo trì đường bộ.

d) Trong một ngày làm việc, mỗi vị trí trên tuyến phải được kiểm tra ít nhất một lần; đối với những công trình như cầu yếu, các vị trí có nguy cơ mất an toàn giao thông, các vị trí thường xảy ra tình trạng vi phạm quy định bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, phải kiểm tra ít nhất 02 (hai) lần.

đ) Nhân viên tuần đường chịu trách nhiệm trước Lãnh đạo đơn vị quản lý, bảo trì đường bộ về kết quả thực hiện nhiệm vụ và chịu sự kiểm tra, giám sát của Tuần kiểm viên.

e) Khi thực hiện nhiệm vụ, nhân viên tuần đường phải mặc đồng phục và mang trang thiết bị cần thiết theo quy định tại Điều 14, Thông tư 47/2012/TT-BGTVT; nhân viên tuần đường phải đeo biển hiệu ở phía trên túi áo bên phải và có quyết định giao nhiệm vụ của đơn vị bảo trì đường bộ.

2. Tuần kiểm viên

a) Kiểm tra, nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ của nhân viên tuần đường và đơn vị quản lý, bảo trì đường bộ.

b) Phối hợp với đơn vị được giao trực tiếp quản lý, bảo trì đường bộ, chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng xử lý kịp thời các hành vi vi phạm, sự cố gây mất an toàn giao thông; trường hợp cần thiết phải báo cáo ngay cho cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền.

c) Hàng tuần, Tuần kiểm viên kiểm tra nội dung ghi chép trong sổ nhật ký tuần đường và ghi ý kiến xử lý, đồng thời ký tên dưới ý kiến đó.

d) Tuần kiểm viên chịu trách nhiệm trước Lãnh đạo cơ quan quản lý đường bộ về kết quả thực hiện nhiệm vụ.

đ) Khi thực hiện nhiệm vụ, yêu cầu Tuần kiểm viên phải mặc đồng phục và mang trang thiết bị cần thiết theo quy định tại Điều 13 của Thông tư 47/2012/TT-BGTVT; Tuần kiểm viên phải đeo biển hiệu ở phía trên túi áo bên phải và có quyết

định giao nhiệm vụ của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền theo phân cấp tại Khoản 4, Điều 3 của Quy định này.

Điều 40. Trình độ, năng lực của nhân viên tuần đường, tuần kiểm

1. Nhân viên tuần đường có trình độ chuyên môn từ trung cấp nghề chuyên ngành đường bộ hoặc công nhân bậc 5 (năm) trở lên; hiểu biết pháp luật, có năng lực tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và giải thích pháp luật về giao thông đường bộ.

2. Tuần kiểm viên có trình độ chuyên môn từ cao đẳng chuyên ngành cầu đường bộ trở lên.

Điều 41. Tổ chức hoạt động tuần đường, tuần kiểm đường bộ

1. Nhân viên tuần đường phụ trách một đoạn tuyến hoặc công trình cầu, hầm phù hợp nội dung, nhiệm vụ tuần đường; chiều dài đoạn tuyến quy định như sau:

a) Đường cấp I, II: từ 20 đến 25 km/người.

b) Đường cấp III: từ 25 đến 30 km/người đối với đường qua đô thị; từ 30 đến 35 km/người đối với đường ngoài đô thị.

c) Đường cấp IV, V, VI: từ 30 đến 35 km/người đối với đường miền núi; từ 40 đến 45 km/người đối với đường đồng bằng, trung du.

2. Tuần kiểm viên phụ trách một đoạn tuyến theo quyết định giao nhiệm vụ của cơ quan quản lý đường bộ.

3. Kinh phí hoạt động của nhân viên tuần đường và tuần kiểm viên được trích từ nguồn vốn quản lý, bảo trì đường bộ được cấp hàng năm.

Điều 42. Trang phục, thiết bị phục vụ công tác tuần đường, tuần kiểm

Thực hiện theo quy định tại các Điều 13, 14 của Thông tư 47/2012/TT-BGTVT.

Điều 43. Quy trình kiểm tra, xử lý vi phạm hành lang an toàn đường bộ

Định kỳ, đột xuất, đơn vị quản lý, bảo trì đường bộ phải tiến hành kiểm tra hành lang an toàn đường bộ, phát hiện các công trình, hành vi vi phạm quy định về bảo vệ hành lang an toàn đường bộ.

1. Đối với các trường hợp vi phạm kể từ ngày Quy định này có hiệu lực

a) Khi phát hiện hành vi vi phạm xâm hại trực tiếp vào công trình đường bộ, có khả năng gây mất an toàn công trình, an toàn giao thông thì đơn vị quản lý, bảo trì đường bộ khẩn trương phối hợp với chính quyền cấp xã và công an địa phương giải quyết, ngăn chặn kịp thời; lập biên bản xử lý vi phạm, báo cáo ngay cho cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền đồng thời triển khai thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông, an toàn công trình.

b) Các trường hợp vi phạm khác

- Trường hợp nhân viên tuần đường, tuần kiểm đường bộ phát hiện hành vi vi phạm thì khi phát hiện vi phạm phải yêu cầu tổ chức, cá nhân vi phạm ngừng thi công; chủ trì, thông báo và phối hợp với UBND cấp xã kiểm tra, lập biên bản vi

phạm hành lang an toàn giao thông đường bộ, yêu cầu chủ công trình ngừng ngay các hành vi vi phạm, tự tháo dỡ phần vi phạm, khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do hành vi vi phạm của chủ công trình gây ra;

- Trường hợp cán bộ UBND cấp xã phát hiện vi phạm hành lang an toàn đường bộ thì yêu cầu tổ chức, cá nhân vi phạm ngừng thi công; thông báo và phối hợp với đơn vị được giao trực tiếp quản lý, bảo trì đường bộ lập biên bản vi phạm hành lang an toàn giao thông đường bộ, yêu cầu chủ công trình ngừng ngay các hành vi vi phạm, tự tháo dỡ phần vi phạm, khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do hành vi vi phạm của chủ công trình gây ra;

- Đơn vị quản lý, bảo trì đường bộ tiếp tục theo dõi, giám sát chủ công trình thực hiện các biện pháp khắc phục theo biên bản vi phạm hành lang an toàn giao thông đường bộ đã lập;

- Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày phát hiện vi phạm, nếu tổ chức, cá nhân là chủ công trình không thực hiện đầy đủ nội dung biên bản vi phạm hành lang an toàn giao thông đường bộ thì Đơn vị quản lý, bảo trì đường bộ phối hợp với UBND cấp xã kiểm tra, rà soát hành vi vi phạm; thông báo bằng văn bản cho chủ công trình hành vi đã vi phạm quy định của pháp luật về giao thông đường bộ; đề nghị UBND cấp xã lập biên bản vi phạm hành chính đối với tổ chức, cá nhân là chủ công trình vi phạm các quy định về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; báo cáo cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền;

- Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của đơn vị quản lý, bảo trì đường bộ, UBND cấp xã phối hợp với cơ quan quản lý đường bộ kiểm tra, xác minh, lập biên bản vi phạm hành chính đối với tổ chức, cá nhân là chủ công trình vi phạm các quy định về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với trường hợp vi phạm trong thẩm quyền; chuyển hồ sơ vi phạm lên UBND cấp huyện xử lý đối với trường hợp vượt quá thẩm quyền theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính;

- Chậm nhất 10 ngày kể từ ngày ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính nếu tổ chức, cá nhân không thực hiện quyết định vi phạm hành chính thì UBND cấp huyện ra quyết định cưỡng chế và tổ chức cưỡng chế tháo dỡ công trình vi phạm theo quy định của pháp luật.

2. Đối với các trường hợp vi phạm trước khi Quy định này có hiệu lực đã lập biên bản vi phạm

- Hàng năm Đơn vị quản lý, bảo trì đường bộ chủ trì, phối hợp với ủy ban nhân dân cấp xã, Ban Quản lý dự án bảo trì giao thông thống kê rà soát, phân loại các công trình nằm trong hành lang an toàn đường bộ. Báo cáo kết quả thống kê, rà soát gửi UBND cấp huyện có liên quan và Sở Giao thông vận tải trước ngày 25 tháng 12 hàng năm;

- UBND cấp huyện căn cứ vào kết quả thống kê, rà soát phân loại để lập kế hoạch, triển khai giải tỏa các công trình vi phạm hành lang an toàn đường bộ trên địa bàn theo quy định.

Chương VII
TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ KẾT CẤU
HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Mục 1
TRÁCH NHIỆM CỦA CHÍNH QUYỀN CẤP HUYỆN, XÃ

Điều 44. UBND cấp huyện

1. Quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc cấp huyện quản lý; quản lý, lập quy hoạch đầu nối các tuyến đường trên địa bàn cấp huyện vào đường tỉnh trình Sở Giao thông vận tải thỏa thuận và phê duyệt.

2. Bố trí ngân sách hàng năm vào đầu năm để thực hiện quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường huyện, đường đô thị theo định mức quản lý và bảo dưỡng thường xuyên do UBND tỉnh ban hành.

3. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật các quy định về phạm vi đất dành cho đường bộ, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

4. Quản lý, sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật; phối hợp với cơ quan quản lý đường bộ trong việc công bố mốc giới hành lang an toàn đường bộ và thống kê, rà soát, phân loại các công trình nằm trong hành lang an toàn đường bộ, tình trạng sử dụng đất để làm cơ sở cho việc quản lý và lập kế hoạch giải tỏa hành lang an toàn đường bộ.

5. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ hành lang an toàn đường bộ, chống lấn chiếm, tái lấn chiếm. Xây dựng quy trình, thành lập các tổ cưỡng chế và tổ chức thực hiện cưỡng chế dỡ bỏ các công trình xây dựng trái phép để giải tỏa hành lang an toàn đường bộ.

6. Huy động mọi lực lượng, vật tư, thiết bị để bảo vệ công trình, kịp thời khôi phục giao thông khi bị thiên tai, địch họa.

7. Cấp, thu hồi giấy phép thi công, đình chỉ hoạt động gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường huyện, đường đô thị theo đúng quy định hiện hành; Cấp, thu hồi giấy phép lưu hành cho xe bán xích, xe quá tải, quá khổ giới hạn cầu đường, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng hoạt động trên các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý.

8. Tổ chức triển khai công tác quản lý bảo trì hệ thống đường bộ cấp huyện theo đúng nội dung quy định tại Quyết định số 35/2011/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2011 của UBND tỉnh về Quy chế quản lý nhà nước trong duy tu, bảo dưỡng và bảo trì đường giao thông nông thôn. Thực hiện việc cấm mốc chỉ giới hành lang an toàn đường bộ trên các tuyến đường thuộc thẩm quyền quản lý.

9. Xây dựng kế hoạch và kinh phí giải tỏa hành lang an toàn đường bộ hàng năm trình UBND tỉnh đối với các tuyến Quốc lộ được ủy thác và đường tỉnh đi qua địa bàn; tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch khi được UBND tỉnh phê duyệt.

10. Trường hợp để xảy ra hiện tượng lấn, chiếm, sử dụng trái phép phần đất thuộc phạm vi hành lang an toàn đường bộ tại địa phương thì Chủ tịch UBND cấp huyện phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Điều 45. UBND cấp xã

1. Quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn cấp xã quản lý.

2. Lập dự trù kinh phí thực hiện và sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí được cấp từ Quỹ bảo trì đường bộ và các nguồn khác để quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn xã.

3. Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật các quy định về phạm vi đất dành cho đường bộ, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; phối hợp với cơ quan quản lý đường bộ trong việc công bố mốc giới hành lang an toàn đường bộ. Quản lý việc sử dụng đất trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật; phát hiện, xử lý và ngăn chặn kịp thời những trường hợp lấn, chiếm, sử dụng trái phép phần đất thuộc phạm vi hành lang an toàn đường bộ; buộc tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm khôi phục lại tình trạng ban đầu trước khi vi phạm.

4. Phối hợp với đơn vị quản lý, bảo trì đường bộ và các lực lượng liên quan thực hiện các biện pháp bảo vệ công trình đường bộ. Thực hiện việc cấp phép thi công trên các tuyến đường cấp xã quản lý.

5. Phối hợp với đơn vị quản lý, bảo trì đường bộ thống kê, rà soát, phân loại các công trình nằm trong hành lang an toàn đường bộ, tình trạng sử dụng đất để làm cơ sở cho việc quản lý và lập kế hoạch giải tỏa hành lang an toàn đường bộ.

6. Huy động mọi lực lượng, vật tư, thiết bị để bảo vệ công trình, kịp thời khôi phục giao thông khi bị thiên tai, địch họa.

7. Thực hiện việc cấm mốc chỉ giới hành lang an toàn đường bộ trên các tuyến đường thuộc thẩm quyền quản lý.

8. Trường hợp để xảy ra hiện tượng lấn, chiếm, sử dụng trái phép phần đất thuộc phạm vi hành lang an toàn đường bộ tại địa phương thì Chủ tịch UBND cấp xã phải liên đới chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật. Việc thực hiện công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ là một trong những căn cứ để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, điều động, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách đối với Chủ tịch UBND cấp xã.

Mục 2

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, BAN NGÀNH LIÊN QUAN

Điều 46. Sở Giao thông vận tải

1. Trình UBND tỉnh ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản hướng dẫn thực hiện quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Trực tiếp quản lý hệ thống đường tỉnh và các công trình khác theo phân cấp của UBND tỉnh; hướng dẫn UBND cấp huyện, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và các chủ sở hữu khác thực hiện công tác quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn quản lý.

3. Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ công trình giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh.

4. Phối hợp với UBND cấp huyện và các cơ quan liên quan tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; xây dựng phương án cấm mốc giới hành lang an toàn đường bộ trên các tuyến được giao quản lý trình UBND tỉnh phê duyệt và triển khai thực hiện, công bố việc cấm mốc ngoài thực địa.

5. Xây dựng kế hoạch, tổ chức, kiểm tra thực hiện công tác phòng chống lụt bão và khắc phục hư hỏng công trình đường bộ do thiên tai, địch họa gây ra trên các tuyến đường tỉnh, Quốc lộ ủy thác; tổ chức ứng cứu các công trình trọng điểm, công trình giao thông trên địa bàn khi có lệnh của Ban Phòng chống lụt, bão tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

6. Chỉ đạo công tác tuần đường, tuần kiểm, thanh tra, kiểm tra bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý.

7. Cấp, thu hồi Giấy phép thi công, đình chỉ hoạt động gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường tỉnh; cấp, thu hồi Giấy phép lưu hành cho xe bánh xích, xe quá tải, quá khổ giới hạn cầu đường, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng hoạt động trên các tuyến đường tỉnh và các công trình do Sở quản lý theo phân cấp của UBND tỉnh.

8. Xây dựng kế hoạch vốn phục vụ công tác quản lý, bảo trì, bảo vệ và giải tỏa hành lang an toàn đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh; tham mưu cho UBND tỉnh phân bổ kinh phí cho các địa phương theo kế hoạch quản lý, bảo trì, bảo vệ và giải tỏa hành lang an toàn đường bộ của các địa phương; thống nhất với Sở Tài chính đưa vào dự toán ngân sách địa phương, báo cáo UBND tỉnh xem xét trình HĐND tỉnh, quyết định; phân khai chi tiết nguồn vốn được bố trí.

9. Chủ trì lập phương án bảo vệ các công trình đường bộ quan trọng trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện; cử cán bộ có liên quan tham gia hội đồng giải tỏa, cưỡng chế của địa phương khi có yêu cầu.

10. Ban hành cơ chế khoán kinh phí hỗ trợ công tác quản lý, bảo vệ hành lang an toàn đường bộ cho các xã có Quốc lộ ủy thác, đường tỉnh đi qua từ nguồn kinh phí bảo trì đường bộ.

11. Tham mưu cho UBND tỉnh công tác khen thưởng, kỷ luật trong việc quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của các địa phương, đơn vị.

12. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tuyên truyền, phổ biến Quy định này.

Điều 47. Công an tỉnh

1. Chỉ đạo, hướng dẫn lực lượng trong ngành kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo thẩm quyền.

2. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải, UBND cấp huyện, cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

3. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải lập phương án bảo vệ các công trình đường bộ quan trọng trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện.

4. Chỉ đạo các đơn vị cơ sở tham mưu cho UBND cấp huyện xây dựng và thực hiện quy trình cưỡng chế các trường hợp vi phạm lấn chiếm, tái lấn chiếm hành lang đường bộ và xây dựng phương án, kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông, xử lý việc vi phạm và hỗ trợ lực lượng trong thời gian thực hiện cưỡng chế.

Điều 48. Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh

1. Quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc trách nhiệm quản lý theo phân cấp của UBND tỉnh.

2. Phối hợp với UBND cấp huyện, cấp xã và các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về phạm vi đất dành cho đường bộ, quy định về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường, công trình được giao quản lý.

3. Phối hợp với UBND cấp huyện, cấp xã, đơn vị quản lý công trình đường bộ và các lực lượng liên quan thực hiện các biện pháp bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ hành lang an toàn đường bộ, chống lấn chiếm, tái lấn chiếm, cưỡng chế dỡ bỏ các công trình xây dựng trái phép để giải tỏa hành lang an toàn đường bộ trên các tuyến đường, công trình được giao quản lý.

4. Huy động mọi lực lượng, vật tư, thiết bị để bảo vệ công trình giao thông thuộc thẩm quyền; kịp thời khôi phục giao thông khi bị thiên tai, địch họa.

5. Cấp, thu hồi giấy phép thi công, đình chỉ hoạt động gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường được giao quản lý theo đúng quy định hiện hành; cấp, thu hồi giấy phép lưu hành cho xe bán xích, xe quá tải, quá khổ giới hạn cầu đường, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng hoạt động trên các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý theo phân cấp của UBND tỉnh.

Điều 49. Trách nhiệm của các Sở, Ban ngành khác**1. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Có trách nhiệm trong quá trình thẩm định, phê duyệt các quy hoạch, các dự án đầu tư xây dựng công trình, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật và cấp Giấy chứng nhận đầu tư phải tuân thủ đúng các quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Sở Xây dựng

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan quản lý chất lượng các công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình giao thông trong đô thị theo quy định tại Khoản 4, Điều 51, Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; hướng dẫn quản lý xây dựng ngoài hành lang an toàn đường bộ.

Chỉ đạo, hướng dẫn lập và quản lý quy hoạch xây dựng theo thẩm quyền; chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải, các sở ngành liên quan và UBND cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kết cấu hạ tầng giao thông đô thị theo quy định tại Thông tư số 04/2008/TT-BXD ngày 20 tháng 02 năm 2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý đường đô thị và Thông tư số 16/2009/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2009 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung Thông tư số 04/2008/TT-BXD.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện quy hoạch và xây dựng hệ thống công trình thủy lợi có liên quan đến công trình đường bộ; hướng dẫn việc sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ để canh tác nông nghiệp bảo đảm an toàn công trình đường bộ; hướng dẫn việc khảo sát, đo đạc, sử dụng đất hành lang giao thông theo quy định của pháp luật.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì phối hợp với UBND cấp huyện, Sở Giao thông vận tải thực hiện việc quản lý đất thuộc đất hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật.

5. Sở Công Thương có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện việc quy hoạch và xây dựng hệ thống cửa hàng xăng dầu, công trình điện và các cơ sở dịch vụ khác dọc theo đường bộ phải tuân thủ các quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và an toàn giao thông.

6. Sở Nội vụ có trách nhiệm phối hợp với Sở Giao thông vận tải hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn về thực hiện công tác quản lý, bảo trì đường bộ và xác định biên chế khi xây dựng đề án vị trí việc làm theo quy định.

7. Sở Tài chính có trách nhiệm

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải bố trí nguồn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách để thực hiện công tác quản lý, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và giải tỏa hành lang an toàn đường bộ.

b) Kiểm tra việc sử dụng ngân sách nhà nước cho việc quản lý, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và giải tỏa hành lang an toàn đường bộ đối với đường tỉnh bảo đảm sử dụng đúng mục đích.

c) Phối hợp với Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh tổ chức thu và quản lý nguồn kinh phí Quỹ bảo trì đường bộ theo đúng các quy định của pháp luật.

d) Tham mưu cho UBND tỉnh phân bổ nguồn kinh phí từ Quỹ bảo trì đường bộ và các nguồn khác cho Sở Giao thông vận tải (đối với đường tỉnh), UBND cấp huyện

(đối với đường huyện) và UBND cấp xã (đối với đường xã, đường giao thông nông thôn) để thực hiện công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

8. Sở Thông tin và Truyền thông

Tham mưu UBND tỉnh xây dựng và tổ chức thực hiện các quy hoạch ngành thông tin và truyền thông trên địa bàn; chỉ đạo các doanh nghiệp thông tin và truyền thông phát triển hạ tầng kỹ thuật phải bảo đảm kỹ thuật, mỹ quan và an toàn công trình đường bộ.

Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị truyền thông, báo chí trong tỉnh tuyên truyền phổ biến quy định này trên các phương tiện thông tin đại chúng.

9. Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch

Chủ trì thực hiện quy hoạch và xây dựng các công trình pa nô, quảng cáo... liên quan đến phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phải bảo đảm kỹ thuật, mỹ quan và an toàn công trình đường bộ.

10. Quỹ Bảo trì đường bộ tỉnh

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải, phân khai chi tiết nguồn vốn bảo trì đường bộ đã được UBND tỉnh giao chỉ tiêu hàng năm cho các cơ quan quản lý đường bộ.

Điều 50. Trách nhiệm bảo vệ công trình giao thông đường bộ của chủ đầu tư, nhà thầu thi công các công trình giao thông đường bộ

1. Các chủ đầu tư, các nhà thầu thi công trên các đoạn đường theo dự án nâng cấp, cải tạo, sửa chữa phải có trách nhiệm tổ chức quản lý, bảo vệ trong suốt thời gian thi công kể từ khi nhận đường cho đến khi bàn giao lại đường cho đơn vị quản lý khai thác.

2. Các chủ đầu tư khi bàn giao công trình đã hoàn thành cho đơn vị quản lý phải bàn giao đầy đủ hồ sơ giải phóng mặt bằng, mốc giải phóng mặt bằng và mốc chỉ giới hành lang đường bộ (mốc lộ giới) nếu có.

Điều 51. Trách nhiệm của đơn vị quản lý, bảo trì công trình đường bộ

1. Lập, quản lý và sử dụng các hồ sơ tài liệu liên quan đến công tác quản lý công trình đường bộ được quy định tại Điều 5, Điều 6 của Quy định này.

2. Tổ chức tuần tra, kiểm tra và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định của Bộ Giao thông vận tải tại Thông tư số 47/2012/TT-BGTVT ngày 12 tháng 11 năm 2012 và Quy định này.

3. Thực hiện các nội dung khác về quản lý, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định của Luật Giao thông đường bộ, Nghị định số 11/2010/NĐ-CP, Nghị định số 100/2013/NĐ-CP, các quy định khác của Bộ Giao thông vận tải và UBND tỉnh; thực hiện việc phòng, chống và khắc phục hậu quả bão, lụt theo quy định của pháp luật về phòng, chống và khắc phục hậu quả lụt, bão.

4. Thực hiện các nội dung về quản lý, bảo trì công trình đường bộ theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo trì, quy trình bảo trì công trình đường bộ và theo hợp đồng đã ký với cơ quan quản lý đường bộ, chủ sở hữu công trình đường bộ.

5. Theo dõi thường xuyên và cập nhật tình trạng chất lượng các công trình được giao quản lý, kịp thời phát hiện các hiện tượng hư hỏng, xuống cấp của công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình; lập báo cáo định kỳ về tình hình chất lượng công trình đường bộ được giao quản lý, báo cáo đột xuất khi có xuất hiện hư hỏng ảnh hưởng đến an toàn giao thông và an toàn công trình.

6. Kịp thời phát hiện, ngăn chặn, báo cáo và phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền xử lý các trường hợp lấn chiếm, sử dụng trái phép phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

7. Chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện, cấp xã và các cơ quan chức năng liên quan thống kê rà soát, phân loại các công trình nằm trong hành lang an toàn đường bộ. Tổng hợp báo cáo cơ quan quản lý đường bộ theo thẩm quyền.

Điều 52. Phối hợp bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1. Việc xây dựng công trình thủy lợi có liên quan đến công trình đường bộ phải được thống nhất bằng văn bản của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền. Việc xây dựng công trình đường bộ có liên quan đến công trình thủy lợi phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan quản lý công trình thủy lợi.

2. Trong trường hợp khẩn cấp, cơ quan phòng, chống lụt, bão, chống hạn, chống úng có thể sử dụng công trình giao thông đường bộ để thực hiện và có trách nhiệm khôi phục nguyên trạng thái ban đầu của công trình giao thông đường bộ.

3. Trường hợp cơ quan quản lý công trình đường bộ và cơ quan quản lý công trình thủy lợi đều có kế hoạch xây dựng mới hoặc cải tạo nâng cấp công trình, thì việc xây dựng mới, cải tạo nâng cấp công trình phải kết hợp với nhau.

4. Việc xây dựng công trình mới làm ảnh hưởng đến độ bền vững của công trình có trước hoặc làm trở ngại đến tác dụng của công trình đó thì cơ quan chủ quản công trình xây dựng mới phải có biện pháp xử lý bằng kỹ thuật theo sự thỏa thuận của cơ quan chủ quản công trình cũ bị ảnh hưởng và chịu phí tổn để sửa chữa, khôi phục. Nếu đồng thời muốn cải tạo, mở rộng nâng cấp công trình có trước, thì cơ quan chủ quản công trình cũ phải đầu tư phần tăng thêm.

5. Việc quản lý, sử dụng những đoạn đê vừa là đường giao thông, vừa là đê phải tuân theo pháp luật về bảo vệ đê điều và pháp luật về bảo vệ công trình giao thông đường bộ trên nguyên tắc ưu tiên hàng đầu cho việc đảm bảo an toàn đê điều.

Chương VIII

XỬ LÝ VI PHẠM, KHEN THƯỞNG VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

Điều 53. Xử lý vi phạm

Tổ chức, các nhân vi phạm các quy định trong công tác quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị

xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 54. Khen thưởng

Tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ như: phát hiện, tố giác và ngăn chặn hành vi xâm phạm, phá hoại công trình đường bộ; hành vi lấn, chiếm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ thì được khen thưởng đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 55. Giải quyết khiếu nại

1. UBND tỉnh có trách nhiệm giải quyết tranh chấp, khiếu nại và tố cáo liên quan đến bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong phạm vi địa phương theo quy định của pháp luật.

2. UBND cấp huyện có trách nhiệm giải quyết tranh chấp, khiếu nại và tố cáo liên quan đến bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn huyện, thành phố theo quy định của pháp luật.

3. UBND cấp xã có trách nhiệm giải quyết tranh chấp, khiếu nại và tố cáo liên quan đến bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn cấp xã quản lý theo quy định của pháp luật.

Chương IX TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 56. Tổ chức thực hiện

UBND cấp huyện có trách nhiệm triển khai Quyết định này đến UBND cấp xã để tổ chức thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh các vướng mắc, các cơ quan, tổ chức và cá nhân phản ánh về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp, báo cáo với UBND tỉnh xem xét, giải quyết.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Chính

Phụ lục số I**Mẫu Đơn đề nghị xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ***(Ban hành kèm theo Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2016 của UBND tỉnh Quảng Trị)*

(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
 (2) **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../....., ngày ... tháng ... năm 201...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ
 Chấp thuận xây dựng (...3...)

Kính gửi:(4)

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2016 của UBND tỉnh Quảng Trị Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

(... 5)

(... 2) đề nghị được chấp thuận xây dựng công trình (...6...) trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của (...7...).

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

- Hồ sơ thiết kế của (...6...);

- Bản sao (...8...) Báo cáo kết quả thẩm tra Hồ sơ thiết kế của (...6...) do (...9...) thực hiện.

- (...10...)

(...2...) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình thiết yếu và không đòi bồi thường khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

Nơi nhận:

- Như trên;

-.....;

- Lưu: VT.

(.....2.....)

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn đề nghị

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng đơn đề nghị chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu.

(3) Ghi vắn tắt tên công trình, địa phương; ví dụ “Chấp thuận xây dựng đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của ĐT.571, địa phận huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị”.

(4) Tên cơ quan chấp thuận cho phép xây dựng công trình thiết yếu được quy định tại Quy định này.

(5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc phê duyệt đầu tư công trình thiết yếu của cấp có thẩm quyền.

(6) Ghi rõ, đầy đủ tên, nhóm dự án của công trình thiết yếu.

(7) Ghi rõ tên đường tỉnh, cấp kỹ thuật của đường hiện tại và theo quy hoạch, lý trình, phía bên trái hoặc bên phải quốc lộ, các vị trí cắt ngang qua đường tỉnh (nếu có).

(8) Bản sao có xác nhận của chủ công trình (nếu công trình thiết yếu xây lắp qua cầu, hầm hoặc các công trình đường bộ phức tạp khác).

(9) Tổ chức tư vấn (độc lập với tổ chức tư vấn lập Hồ sơ thiết kế) được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ.

(10) Các tài liệu khác nêu (...2...) thấy cần thiết.

Phụ lục số II

**Mẫu Đơn đề nghị gia hạn xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi
bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND
ngày 24 tháng 6 năm 2016 của UBND tỉnh Quảng Trị)

(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
(2) **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/....., ngày tháng năm 201...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU
TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**
Gia hạn xây dựng (...3...)

Kính gửi:(4)

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2016 của UBND tỉnh Quảng Trị Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

(...5 ...)

(... 2....) đề nghị được gia hạn xây dựng công trình, nêu rõ lý do gia hạn.

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

- Bản sao chụp Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu;

- (...6...);

(...2...) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình thiết yếu và không đòi bồi thường khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận gia hạn.

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT.

(.....2.....)

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA
NGƯỜI KÝ**

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn đề nghị

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu.

(3) Ghi vắn tắt tên công trình, đường tỉnh, đường địa phương khác; ví dụ “Gia hạn xây dựng đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của ĐT.571, địa phận huyện Vĩnh Linh”.

(4) Tên cơ quan chấp thuận cho phép xây dựng công trình thiết yếu được quy định tại Quy định này.

(5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc phê duyệt đầu tư công trình thiết yếu của cấp có thẩm quyền.

(6) Các tài liệu khác nếu (...2...) thấy cần thiết.

Phụ lục số III
Mẫu Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật nút giao,
đường nhánh đầu nối vào đường địa phương
(Ban hành kèm theo Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND
ngày 24 tháng 6 năm 2016 của UBND tỉnh Quảng Trị)

(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
 (2) **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/....., ngày tháng năm 201...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THIẾT KẾ KỸ THUẬT NÚT GIAO
ĐƯỜNG NHÁNH ĐẦU NỐI VÀO ĐƯỜNG TỈNH
 Chấp thuận xây dựng (...3...)

Kính gửi:(4)

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2016 của UBND tỉnh Quảng Trị Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

(...5...)

(...2...) đề nghị được chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đường nhánh đầu nối (...6...).

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ Quy hoạch các điểm đầu nối vào đường tỉnh đã được UBND cấp tỉnh phê duyệt (bản sao có chứng thực); hoặc Văn bản chấp thuận của Sở GTVT, UBND cấp huyện quản lý tuyến cho phép đầu nối đường nhánh vào đường địa phương đối với các trường hợp chưa có Quy hoạch các điểm đầu nối vào đường tỉnh được phê duyệt (bản sao);

+ Văn bản của UBND cấp có thẩm quyền (bản chính) giao tổ chức, cá nhân làm Chủ đầu tư nút giao nếu quy hoạch hoặc văn bản chấp thuận đơn lẻ của Sở GTVT, UBND cấp huyện quản lý tuyến chưa xác định rõ chủ đầu tư nút giao;

+ Hồ sơ Thiết kế và Phương án tổ chức giao thông của nút giao (có Biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông) do Tổ chức tư vấn được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ lập (bản chính);

- Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

(...2...) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình thiết yếu và không đòi bồi thường khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình nút giao đầu nối và đường chính tại Km ..+.. phải hoặc trái tuyến được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu VT.

(.....2.....)
QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA
NGƯỜI KÝ
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn đề nghị

- (1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).
- (2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đường nhánh đầu nối (Do Chủ đầu tư đứng đơn).
- (3) Ghi vắn tắt tên công trình, đường tỉnh, đường địa phương khác; ví dụ “Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đường nhánh đầu nối tại Km.+.../Trái tuyến hoặc phải tuyến/ĐT..”.
- (4) Tên cơ quan chấp thuận cho phép xây dựng công trình nút giao đầu nối đường nhánh theo quy định tại Quy định này.
- (5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc phê duyệt đầu tư công trình thiết yếu của cấp có thẩm quyền.
- (6) Ghi rõ, đầy đủ tên đường, cấp kỹ thuật của đường, lý trình, phía bên trái hoặc bên phải đường.

Phụ lục số IV

Mẫu Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình
(Ban hành kèm theo Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND
ngày 24 tháng 6 năm 2016 của UBND tỉnh Quảng Trị)

(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
(2) **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/....., ngày tháng năm 201...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH
Cấp phép thi công (...3...)

Kính gửi:(4...)

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2016 của UBND tỉnh Quảng Trị Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ (...5.);

(...2...) đề nghị được cấp phép thi công (...6...) tại (...7...). Thời gian thi công bắt đầu từ ngày ... tháng ... năm ... đến hết ngày ... tháng ... năm ...

Xin gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ (...5...) (bản sao có xác nhận của Chủ đầu tư);

+ (...8...) (bản chính);

+ (...9...);

(...2...) Đối với thi công công trình thiết yếu: xin cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

(...2...) Đối với thi công trên đường bộ đang khai thác: xin cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, hạn chế ùn tắc giao thông đến mức cao nhất và không gây ô nhiễm môi trường.

(...2...) xin cam kết thi công theo đúng Hồ sơ thiết kế đã được (...10...) phê duyệt và tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Nếu thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (...2...) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

Nơi nhận:

- Như trên;

-

-

- Lưu VT.

(.....2.....)

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn ghi trong Đơn đề nghị

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị cấp phép thi công (công trình thiết yếu hoặc thi công trên đường bộ đang khai thác);

(3) Ghi vắn tắt tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Cấp phép thi công đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của ĐT.571, địa phận huyện Vĩnh Linh”.

(4) Tên cơ quan cấp phép thi công;

(5) Văn bản chấp thuận xây dựng hoặc chấp thuận thiết kế công trình của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền.

(6) Ghi đầy đủ tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép thi công.

(7) Ghi đầy đủ lý trình, tên huyện, tên tỉnh.

(8) Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có Biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt

(9) Các tài liệu khác nếu (...2...) thấy cần thiết.

(10) Cơ quan phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công.

Ghi chú:

Trên đây là các nội dung chính của mẫu Đơn đề nghị cấp giấy phép thi công, các tổ chức, cá nhân căn cứ từng công trình cụ thể để ghi các nội dung và gửi kèm theo văn bản liên quan cho phù hợp.

Phụ lục số V
Mẫu Giấy phép thi công
(Ban hành kèm theo Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND
ngày 24 tháng 6 năm 2016 của UBND tỉnh Quảng Trị)

UBND
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm 201...

GIẤY PHÉP THI CÔNG

Công trình:(1).....

Lý trình: Đường tỉnh....

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2016 của UBND tỉnh Quảng Trị Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ văn bản số: .../... ngày.../.../200... của(2) chấp thuận thiết kế công trình ... (1)....;

Căn cứ Đơn đề nghị cấp phép thi công của(3)... (5) và hồ sơ thiết kế, tổ chức thi công được duyệt.

1. Cấp cho: (3)

- Địa chỉ

- Điện thoại

2. Được phép thi công công trình: ... (1) ... trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng công trình giao thông đường bộ từ lý trình Km..... đến Km..... Đường tỉnh..., theo hồ sơ thiết kế và tổ chức thi công được duyệt theo Quyết định số:/..... ngày.../.../200... của (4)....., gồm các nội dung chính như sau:

a)

b)

3. Các yêu cầu đối với đơn vị thi công công trình:

- Mang giấy này đến đơn vị quản lý đường bộ (trực tiếp quản lý tuyến đường) để nhận bàn giao mặt bằng hiện trường; tiến hành thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông theo hồ sơ tổ chức thi công được duyệt và các quy định của pháp luật về đảm bảo an toàn giao thông khi thi công trên đất dành cho đường bộ;

- Sau khi nhận mặt bằng hiện trường, đơn vị thi công phải chịu trách nhiệm về an toàn giao thông, chịu sự kiểm tra, kiểm soát của đơn vị quản lý đường bộ, Thanh tra giao thông đường bộ và cơ quan có thẩm quyền khác;

- Kể từ ngày nhận bàn giao mặt bằng, nếu đơn vị thi công không thực hiện việc tổ chức giao thông, gây mất an toàn giao thông sẽ bị đình chỉ thi công; mọi trách nhiệm liên quan đến tai nạn giao thông và chi phí thiệt hại khác (nếu có) đơn vị thi công tự chịu, ngoài ra còn chịu xử lý theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về đền bù thiệt hại công trình đường bộ do lỗi của đơn vị thi công gây ra khi thi công trên đường bộ đang khai thác;

- Khi kết thúc thi công phải bàn giao lại mặt bằng, hiện trường cho đơn vị quản lý đường bộ;

- (các nội dung khác nếu cần thiết)

4. Thời hạn thi công:

Giấy phép thi công này có thời hạn từ ngày .../.../201... đến ngày .../.../201

Quá thời hạn quy định phải đề nghị cấp gia hạn./

(.....2.....)

Nơi nhận:

-
- UBND tỉnh (thay b/c);
- Thanh tra GTĐB ... (để p/h);
- Lưu: VT, ...,

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn nội dung ghi trong mẫu Giấy phép thi công:

(1): Ghi tên dự án, công trình cấp giấy phép thi công.

(2): Ghi tên cơ quan thẩm quyền chấp thuận thiết kế (Sở Giao thông vận tải, UBND...).

(3): Ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép thi công;

(4): Chủ đầu tư hoặc cơ quan có thẩm quyền (trường hợp chủ đầu tư không đủ năng lực phê duyệt thiết kế).

(5) Cam kết tự di dời và không đòi bồi thường của chủ đầu tư công trình thiết yếu, biển quảng cáo, nút giao đầu nổi.

Ghi chú: Trên đây là các nội dung chính của mẫu Giấy phép thi công. Sở Giao thông vận tải, UBND các cấp... căn cứ từng công trình cụ thể để quy định nội dung giấy phép thi công cho phù hợp.

Phụ lục số VI

Mẫu giấy đề nghị cấp phép lưu hành xe quá tải, xe quá khổ giới hạn, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2016 của UBND tỉnh Quảng Trị)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LƯU HÀNH XE QUÁ TẢI TRỌNG, XE QUÁ KHỔ GIỚI HẠN, XE VẬN CHUYỂN HÀNG SIÊU TRƯỜNG, SIÊU TRỌNG TRÊN ĐƯỜNG BỘ

Kính gửi: (tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lưu hành xe)

- Cá nhân, tổ chức đề nghị:

- Địa chỉ: Điện thoại:

Đề nghị cấp giấy phép lưu hành cho xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn với các thông số sau:

PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN

- Loại xe:

- Nhân hiệu xe: Biển số đăng ký

- Nhân hiệu sơ mi rơ moóc (hoặc rơ moóc):

- Biển số đăng ký của sơ mi rơ moóc (hoặc rơ moóc):

- Kích thước bao của xe kể cả sơ mi rơ moóc: Dài x Rộng x Cao: (m);

- Kích thước bao của rơ moóc: Dài x Rộng x Cao: (m);

- Tải trọng thiết kế của xe (hoặc xe kéo sơ mi rơ moóc): (tấn);

- Tải trọng thiết kế của rơ moóc: (tấn);

- Trọng lượng bản thân xe: (tấn) Trọng lượng bản thân somiromoóc (romoóc): (tấn);

- Số trục của xe:.....Số trục sau của xe:.....Số trục của sơ mi rơ moóc:

- Số trục của rơ moóc: Số trục sau của rơ moóc:

HÀNG HÓA VẬN CHUYỂN

- Loại hàng:

- Trọng lượng hàng xin chở:

- Chiều rộng toàn bộ xe khi xếp hàng: ... (m) Hàng vượt hai bên thùng xe:..... (m);

- Chiều dài toàn bộ xe khi xếp hàng: ... (m) Chiều cao toàn bộ xe khi xếp hàng:....(m);

- Hàng vượt phía trước thùng xe:... (m) Hàng vượt phía sau thùng xe:..... (m);

- Tải trọng lớn nhất được phân bổ lên các trục sau khi xếp hàng hóa trên xe.

+ Trục đơn: tấn;

+ Trục kép: tấn; khoảng cách giữa hai tim trục, $d=...m$;

+ Trục ba: tấn; khoảng cách giữa hai tim trục liền kề, $d=...m$;

TUYẾN ĐƯỜNG VÀ THỜI GIAN VẬN CHUYỂN

- Tuyến đường vận chuyển (ghi đầy đủ, cụ thể tên từng đoạn tuyến đường bộ, các vị trí chuyển hướng):
- Thời gian đề nghị lưu hành: Từ đến

(Giấy đề nghị cấp giấy phép lưu hành xe phải kèm theo sơ đồ xe thể hiện rõ các kích thước: Chiều dài, chiều rộng, chiều cao của xe đã xếp hàng và khoảng cách giữa các trục xe, chiều dài đuôi xe)

....., ngày ... tháng ... năm

Đại diện cá nhân, tổ chức đề nghị
ký tên, đóng dấu

Phụ lục số VII

Mẫu giấy đề nghị cấp phép lưu hành xe bánh xích tự hành trên đường bộ
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND
 ngày 24 tháng 6 năm 2016 của UBND tỉnh Quảng Trị)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LƯU HÀNH
 XE BÁNH XÍCH TỰ HÀNH TRÊN ĐƯỜNG BỘ**

Kính gửi: (tên Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy lưu hành)

- Cá nhân, tổ chức đề nghị:
- Địa chỉ: Điện thoại:
- Đề nghị cấp giấy phép lưu hành cho xe bánh xích:
- Biển số đăng ký (nếu có):
- Trọng lượng bản thân xe: (tấn);
- Kích thước của xe:
 - + Chiều dài: (m);
 - + Chiều rộng: (m);
 - + Chiều cao: (m);
- Loại xích (nhọn hoặc bằng):
- Chiều rộng bánh xích mỗi bên: (m);
- Khoảng cách giữa hai mép ngoài của bánh: (m);
- Tuyến đường vận chuyển (ghi đầy đủ, cụ thể tên từng đoạn tuyến đường bộ, các vị trí chuyên hướng):
- Thời gian đề nghị lưu hành: Từ đến

*(Giấy đề nghị cấp giấy phép lưu hành
 xe phải kèm theo sơ đồ xe thể hiện rõ
 các kích thước: Chiều dài, chiều rộng,
 chiều cao của xe)*

....., ngày ... tháng ... năm
 Đại diện cá nhân, tổ chức đề nghị
 ký tên, đóng dấu

Phụ lục số VIII**Mẫu giấy phép lưu hành xe quá tải, xe quá khổ giới hạn, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND
ngày 24 tháng 6 năm 2016 của UBND tỉnh Quảng Trị)*

UBND TỈNH.....
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../SGTVT

....., ngày tháng năm 201...

GIẤY PHÉP LƯU HÀNH XE QUÁ TẢI TRỌNG, XE QUÁ KHỔ GIỚI HẠN, XE VẬN CHUYỂN HÀNG SIÊU TRƯỜNG, SIÊU TRỌNG TRÊN ĐƯỜNG BỘ

Có giá trị đến hết ngày ... tháng ... năm

Căn cứ Khoản 2 Điều 28 Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

Căn cứ Thông tư số 07/2010/TT-BGTVT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ Giao thông vận tải về quy định tải trọng, quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ, vận chuyển hàng siêu trường siêu trọng trên đường bộ; Thông tư số 03/2011/TT-BGTVT ngày 22/02/2011 và Thông tư số 65/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 07/2010/TT-BGTVT ngày 11/02/2010 quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông đường bộ;

Căn cứ Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2016 của UBND tỉnh Quảng trị Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh;

Xét hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn của ... (tên tổ chức, cá nhân đứng đơn) ... ngày ... tháng năm ...,

Cho phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn trên đường bộ cụ thể như sau:

Xe (nhãn hiệu xe): Biển số đăng ký:

kéo sơ mi rơ moóc/rơ moóc (mác): Biển số đăng ký:

Của (tên tổ chức, cá nhân chủ xe)

Với các thông số như sau:

- Loại hàng hóa: Sau khi đã tháo bớt phụ kiện (nếu có):

- Kích thước toàn bộ xe sau khi xếp hàng lên xe:

+ Chiều dài:m; Hàng vượt phía sau thùng xe: ... m; Hàng vượt phía trước thùng xe:m;

+ Chiều rộng:m; Hàng vượt ra hai bên thùng xe: m;

+ Chiều cao (tính từ mặt đường trở lên):m;

- Tổng trọng lượng của xe và hàng hóa xếp trên xe: ... tấn (trong đó trọng lượng bản thân của xe đầu kéo là ... tấn, sơ mi rơ moóc hoặc rơ moóc là ... tấn và hàng hóa là ... tấn);

- Tải trọng lớn nhất được phân bổ lên các trục sau khi xếp hàng hóa trên xe;

+ Trục đơn: tấn;

- + Trục kép: tấn; khoảng cách giữa hai tim trục, $d=...m$;
- + Trục ba: tấn, khoảng cách giữa hai tim trục liền kề, $d=...m$;
- Nơi đi (ghi cụ thể Km/QL (ĐT), địa danh)
- Nơi đến (ghi cụ thể Km/QL (ĐT), địa danh)
- Các tuyến được đi: (ghi đầy đủ, cụ thể tên đoạn tuyến đường bộ được đi, các vị trí chuyển hướng, các điểm không chế từ nơi đi đến nơi đến)

Các điều kiện quy định khi lưu hành xe trên đường bộ

- Chủ phương tiện, người lái xe phải tuân thủ các quy định của Luật Giao thông đường bộ;

- Xe phải có hệ thống hãm đủ hiệu lực (kể cả sơ mi rơ moóc hoặc rơ moóc kéo theo). Hệ thống liên kết nối xe đầu kéo với sơ mi rơ moóc hoặc rơ moóc phải chắc chắn, bảo đảm an toàn và đúng quy định của nhà sản xuất;

- Khi qua cầu, xe chạy đúng làn với tốc độ để tránh gây xung kích và tránh gây ra sự lệch tâm làm tăng sự ảnh hưởng của tải trọng lên hệ thống đầm mặt cầu. Nghiêm cấm dừng, đỗ phanh, hãm xe trên cầu;

- Các điều kiện quy định cần thiết bảo đảm an toàn khác)

- Phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của các lực lượng kiểm soát giao thông trên đường.

- Khi có nhu cầu đổi lại giấy phép lưu hành mới phải nộp lại giấy này.

Lãnh đạo cơ quan cấp giấy phép lưu hành xe

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục số IX**Mẫu giấy phép lưu hành xe bánh xích tự hành trên đường bộ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND
ngày 24 tháng 6 năm 2016 của UBND tỉnh Quảng Trị)

UBND TỈNH.....
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../SGTVT

....., ngày ... tháng ... năm

GIẤY PHÉP LƯU HÀNH XE BÁNH XÍCH TỰ HÀNH TRÊN ĐƯỜNG BỘ

Có giá trị đến hết ngày ... tháng ... năm

Căn cứ Khoản 2 Điều 28 Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

Căn cứ Thông tư số 07/2010/TT-BGTVT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ Giao thông vận tải về quy định tải trọng, quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ, vận chuyển hàng siêu trường siêu trọng trên đường bộ; Thông tư số 03/2011/TT-BGTVT ngày 22/02/2011 và Thông tư số 65/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 07/2010/TT-BGTVT ngày 11/02/2010 quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông đường bộ;

Căn cứ Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2016 của UBND tỉnh Quảng Trị Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Xét hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lưu hành xe bánh xích tự hành trên đường bộ của... (tên tổ chức, cá nhân đứng đơn)... ngày ... tháng.... năm...,

Cho phép lưu hành xe bánh xích tự hành trên đường bộ cụ thể như sau:

Xe bánh xích (mác): Biển số đăng ký:.....

Của (tên tổ chức, cá nhân chủ xe)

Với các thông số như sau:

- Chiều dài:.....m;
- Chiều rộng: m;
- Chiều cao (tính từ mặt đường trở lên):m;
- Trọng lượng toàn bộ của xe: tấn;
- Loại bánh xích (bằng hay nhọn):
- + Nơi đi (ghi cụ thể Km/QL (ĐT), địa danh)
- + Nơi đến (ghi cụ thể Km/QL (ĐT), địa danh)
- + Các tuyến được đi: (ghi đầy đủ, cụ thể tên đoạn tuyến đường bộ được đi, các vị trí chuyên hướng, các điểm không chế từ nơi đi đến nơi đến)

Các điều kiện quy định khi lưu hành xe trên đường bộ

- Chủ phương tiện, người lái xe phải tuân thủ các quy định của Luật Giao thông đường bộ;

- Phải bảo đảm các điều kiện an toàn kỹ thuật của xe và phải lắp guốc cho bánh xích;
- Chạy phía bên phải của chiều đi, đúng tốc độ thiết kế của xe và không quá tốc độ quy định trên đường; nhường đường cho các phương tiện khác;

-
- Khi qua cầu phải đi đúng tim cầu, đi với tốc độ chậm, không dừng, đỗ trên cầu;
 - (các điều kiện quy định cần thiết bảo đảm an toàn khác)
 - Phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của các lực lượng kiểm soát giao thông trên đường;
 - Khi có nhu cầu đổi lại giấy phép lưu hành mới phải nộp lại giấy này.

Lãnh đạo cơ quan cấp giấy phép lưu hành xe
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)